

CHƯƠNG 2

Câu 1: ND SMLS của GCCN?

*** Khái niệm giai cấp công nhân được xác định trên hai phương diện cơ bản:**

- Phương diện kinh tế - xã hội:

+ Trực tiếp hay gián tiếp vận hành các cơ cấu xã hội có tính chất công nghệ ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao

+ Không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội

- Phương diện chính trị - xã hội:

+ Lao động bằng phương thức CN

+ Là sản phẩm của nền đại CN chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại

+ Là một giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để

*** Khái niệm giai cấp công nhân:** Chủ nghĩa Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ giai cấp công nhân như giai cấp vô sản, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp,... Đó là những cụm từ đồng nghĩa để chỉ giai cấp công nhân-con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại. Ngoài ra, các ông còn dùng những thuật ngữ có nội dung hẹp hơn để chỉ các loại công nhân trong các ngành sản xuất khác nhau, trong những giai đoạn phát triển khác nhau của công nghiệp: công nhân khoáng sản, công nhân trường thủ công, công nhân công xưởng, công nhân nông nghiệp...

*** ND kinh tế của GCCN:**

- Là chủ thể của quá trình sản xuất hiện đại, tạo tiền đề vật chất cho xã hội mới ra đời: Chưa có một giai cấp nào có thể thay thế cho giai cấp công nhân. Ví dụ như nông dân, trí thức, công nhân. Họ chính là những người vận hành tư liệu sản xuất

- Đại biểu cho lợi ích chung của xã hội

- Đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất

- Là lực lượng đi đầu trong thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa: vì để đi lên chủ nghĩa xã hội hoặc để trở thành một nước phát triển thì nhiệm vụ của công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước lúc nào cũng phải làm, mà làm nhiệm vụ này thì giai cấp công nhân là giai cấp đi đầu. Ví dụ như Việt Nam đang phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng hiện đại thì giai cấp công nhân là giai cấp đứng đầu để thực hiện sứ mệnh ấy

*** ND chính trị-xã hội của GCCN:**

- Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ

chế độ áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động

- Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới

- VD: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo giai cấp công nhân tiến hành lật đổ sự thống trị của thực dân Pháp, xây dựng chính quyền về tay nhân dân, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 2/9/1945

*** ND văn hóa, tư tưởng của GCCN:**

- **Xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do:**
Tức là làm theo năng lực hưởng theo lao động và không có chuyện bóc lột

- **Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân làm nên tăng tính thần của xã hội: chủ nghĩa Mac Lenin:** Giai cấp công nhân phải bảo vệ nền tảng của mình bằng việc chống lại các phong trào vì mac-xít

*** Liên hệ GCCN VN:**

- **Về kinh tế:**

+ Giai cấp công nhân Việt Nam phải đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa

+ Giai cấp công nhân phải có trách nhiệm đi đầu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì phải sản xuất ra hàng hóa cho xã hội, phát triển về mặt kinh tế

- **Về chính trị - xã hội:**

+ GCCN Việt Nam không ngừng đấu tranh bảo vệ chế độ của nước ta

+ Để bảo vệ thì sử dụng pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- **Về văn hóa - tư tưởng:**

+ Văn hóa: xóa bỏ những nét văn hóa cũ lạc hậu

+ Tư tưởng: bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin

*** Câu hỏi có thể hỏi: Trong bối cảnh hiện nay giai cấp công nhân cần làm gì để trở thành lực lượng tiên phong?**

- Trau dồi về chuyên môn, đáp ứng nhu cầu của xã hội

- Nắm vững tri thức khoa học để vận hành tư liệu sản xuất hiện đại

- Tác phong chuyên nghiệp, tính tổ chức lao động kỹ thuật theo hướng hiện đại

- Trau dồi về các kỹ năng và chuyên môn để đáp ứng nhu cầu xã hội hóa, quốc tế hóa

Câu 2: Những điều kiện quy định và thực hiện SMLS của GCCN?

* **Khái niệm của giai cấp công nhân:** là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghệ hiện đại. Họ lao động bằng phương thức công nghệ ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư. Vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản, đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

* **Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:**

- **Địa vị kinh tế:** giai cấp công nhân là con đẻ của nền công nghiệp, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, lực lượng sản xuất hiện đại:

+ Sản lượng hàng hóa, của cải vật chất của loài người tính đến thời điểm hiện nay đều do giai cấp công nhân sản xuất ra

+ Là lực lượng vận hành tư liệu sản xuất hiện đại nhất của loài người

- **Địa vị chính trị xã hội:**

+ Giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật; tính tự giác và ĐK trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội

+ Giai cấp công nhân đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử

+ VD: Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân từ khi chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời thì giai cấp công nhân đã nắm được cái gọn: Như đấu tranh ở công xã Pari, các nước tư bản chủ nghĩa như Anh, Đức hoặc cách mạng tháng mười Nga, cách mạng tháng tám của Việt Nam, cách mạng của Trung Quốc 1949

* **Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử:**

- **Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng:** Ví dụ như trước đây ở giai cấp công nhân Việt Nam đầu thế kỷ 20 chỉ có 10 vạn người nhưng đến nay thì đã có 25 triệu người. Còn về chất lượng thì giai cấp công nhân trình độ ngày càng cao ở việc đáp ứng được nhu cầu phát triển khoa học công nghệ và sự giác ngộ về chính trị, nghĩa là họ đã biết được giai cấp tư sản bóc lột mình như thế nào, họ nhận thức được và họ tiến hành đấu tranh

- **Đảng Cộng sản-nhân tố chủ quan quan trọng nhất:** Ví dụ như trước khi chúng ta chưa có đảng thì phong trào công nhân của chúng ta chủ yếu là phong trào tự phát, mà tự phát thì đều bị thất bại. Nhưng sau năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam

ra đời thì phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chuyển thành phong trào tự giác và chỉ vồn vện trong vòng 15 năm chúng ta giành được chính quyền năm 1945

- Sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nhân dân và các tầng lớp lao động khác: Ví dụ như cách mạng Việt Nam chúng ta kết hợp giữa chủ nghĩa mác Lênin, phong trào công nhân và chủ nghĩa yêu nước. Nghĩa là tất cả mọi người dân, các tầng lớp trong giai cấp xã hội đều hướng về mục đích chung để giải phóng đất nước. Giống như nông dân thì tham gia chiến tranh, công nhân thì sản xuất, mỗi người một nhiệm vụ để giành được chính quyền

*** Liên hệ GCCN VN:** giống câu 1

Câu 3: Thực hiện SMLS của GCCN thế giới hiện nay?

- Vừa có những điểm tương đồng vừa có những điểm khác biệt, có những biến đổi mới trong điều kiện lịch sử mới so với giai cấp công nhân truyền thống ở thế kỷ XIX.

- Điểm tương đồng:

- + Vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại
- + Một bộ phận lớn công nghiệp hiện đại vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay bóc lột giá trị thặng dư
- + Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn có giá trị khoa học và cách mạng và ý nghĩa thực tiễn to lớn

- Những biến đổi khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại:

- + Giai cấp công nhân hiện đại có xu hướng trí thức hóa, trí tuệ hóa
- + Tính chất xã hội hóa của lao động công nghiệp mang nhiều biểu hiện mới
- + Lực lượng sản xuất hiện đại đã vượt qua khỏi phạm vi quốc gia - dân tộc và mang tính chất quốc tế, trở thành lực lượng sản xuất của thế giới toàn cầu

Câu 4: Đặc điểm của GCCN VN?

*** Định nghĩa:** Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp

*** Đặc điểm ra đời và phát triển:**

- Ra đời đầu thế kỷ 20, trước giai cấp tư sản Việt Nam, trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai
- Phát triển chậm vì chịu ách thuộc địa nửa phong kiến

(Về đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam khác với giai cấp công nhân của thế giới ở chỗ là các nước tư bản thì giai cấp tư sản ra đời trước rồi mới đến giai cấp công nhân. Nhưng ở Việt Nam giai cấp công nhân ra đời trước giai cấp tư sản vì chúng ta chịu sự thống trị của thực dân Pháp và sau khi thực dân Pháp sang, nó tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, thứ hai nên nhà giai cấp công nhân Việt Nam ra đời sớm)

*** Đặc điểm về chính trị:**

- Trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp
- Là lực lượng chính trị tiên phong lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản

*** Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội:**

- Xuất phát từ người lao động đó là người nông dân
- Giai cấp công nhân của Việt Nam với các tầng lớp trong xã hội cùng chung một kẻ thù
- Giai cấp công nhân của Việt Nam không có mâu thuẫn lợi ích của các giai cấp trong xã hội

*** Giai cấp công nhân Việt Nam ngày nay:**

- Tăng nhanh về số lượng và chất lượng
- Đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp
- Công nhân trí thức, nắm vững tri thức khoa học - công nghệ tiên tiến

Câu 5: ND SMLS của GCCN VN?

*** Về kinh tế:**

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của đảng
- Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của đảng
- Bảo vệ đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để bảo vệ nhân dân

=> Chứng minh Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đến năm 2030 trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để làm được điều đó thì giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu

*** Về chính trị - xã hội:**

- Nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa
- Lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức

=> Chứng minh đại hội XI, XII, XIII, đặc biệt là đại hội XII, XIII của đảng đầy mạnh xây dựng đảng, chỉnh đốn đảng

*** Về văn hóa - tư tưởng:**

- Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

=> Chứng minh về những thủ tục văn hóa Việt Nam lạc hậu: trọng nam khinh nữ, tục bắt vợ, tảo hôn,...

- Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và ý thức của xã hội

=> Chứng minh về luật an ninh mạng đưa tin sai sự thật, xuyên tạc về chủ nghĩa mác, HCM

Câu 6: Phương hướng và giải pháp chủ yếu để XD GCCN VN hiện nay?

- **Đại hội lần thứ X:** Đối với giai cấp công nhân, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; Nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị trình độ học vấn nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước

- **Đại hội lần thứ XII:** Coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc sinh hoạt đảng; Chú trọng xây dựng, phát huy vai trò giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới

1. Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là đảng Cộng sản

2. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn kết cuối xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh GCCN với GCND và ĐTT dưới sự lãnh đạo của Đảng

3. Thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

4. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa cho giai cấp công nhân

5. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân

CHƯƠNG 3

Câu 1: Điều kiện ra đời của CNXH ?

- **Khái niệm:** Chủ nghĩa xã hội là một trong ba ý thức hệ chính trị lớn hình thành trong thế kỷ 19 bên cạnh chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ.

- **Theo chủ nghĩa Mac và Ph.Ăngghen:** điều kiện ra đời của CNXH là sự phát triển của lực lượng sản xuất và là sự bình đẳng giai cấp vô sản cách mạng

=> Chủ nghĩa xã hội phải được ra đời từ chủ nghĩa tư bản

- **Theo V.I.Lênin:**

+ *Yếu tố thời đại:* nhân loại đã chuyển sang giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản

+ *Sự tác động toàn cầu* của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân (chủ nghĩa Mác-Lênin)

- **Điều kiện kinh tế:**

+ *Chủ nghĩa tư bản tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất*

=> Chứng minh trong vòng 100 năm phát triển của tư bản chủ nghĩa thì sản lượng sản xuất của tư bản chủ nghĩa bằng tất cả hình thái trước đây cộng lại (chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa). Vì tư liệu sản xuất ngày càng hiện đại khi họ đầu tư vào tư liệu sản xuất hiện đại đấy, bắt buộc người lao động phải phát triển về cả số lượng và chất lượng.

+ *Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa*

=> Chứng minh ông tư bản chủ nghĩa tuy không trực tiếp ra của cải cho xã hội nhưng lại nắm toàn bộ quyền và tư liệu sản xuất, còn công nhân mặc dù lao động nhưng không có quyền. Người không trực tiếp tham gia sản xuất thì rất giàu, người trực tiếp tham gia lao động sản xuất thì không đủ sống, vì vậy sinh ra mâu thuẫn gay gắt về mặt kinh tế. Thay vì tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân thì tư bản chủ nghĩa vẫn còn bảo thủ, muốn bóc lột càng nhiều càng tốt nên mới sinh ra mâu thuẫn

- **Điều kiện chính trị - xã hội:**

+ *Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại và giai cấp tư sản lỗi thời, các cuộc đấu tranh ngày càng gay gắt*

=> Chứng minh do ông tư bản chủ nghĩa bảo thủ, lỗi thời, không thay đổi xã hội dẫn đến mâu thuẫn với công nhân, từ đó dẫn đến đấu tranh

+ *Sự trưởng thành về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân*

=> Chứng minh về số lượng thì giai cấp công nhân phát triển theo xu thế của thời đại, về chất lượng thì ngày càng tiên tiến, hiện đại

+ Sự ra đời của đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân

=> Chứng minh những phong trào yêu nước trước năm 30 gồm phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào Cần Vương,... Thì những phong trào này đều thất bại vì đây là phong trào tự phát, chưa có chính đảng nào lãnh đạo. Nhưng sau năm 1930 đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thì chúng ta đã có những phong trào thắng lợi như cách mạng tháng tám,... Vậy để đi lên chủ nghĩa xã hội thì cần phải có chính đảng và chính đảng này không ai khác ngoài đảng Cộng sản

Câu 2: Những đặc trưng bản chất của CNXH?

- **Chủ nghĩa xã hội được hiểu theo bốn nghĩa sau:**

+ Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức bất công các giai cấp thống trị

+ Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh tư tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công

+ Là một khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

+ Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thành kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

- **Đặc trưng 1: Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp giải phóng dân tộc giải phóng xã hội giải phóng con người tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện:** Trước đây thời kỳ tư bản chủ nghĩa thì giai cấp thống trị là giai cấp tư sản, còn giai cấp công nhân là giai cấp bị trị. Bao nhiêu tài sản làm ra đều thuộc về giai cấp tư sản, làm việc nhiều mà lương thấp dẫn đến cuộc sống của họ không được đảm bảo, con cái không được đến trường, ốm đau không được đến bệnh viện => chủ nghĩa xã hội đã mang lại cho họ mọi điều kiện để có thể phát triển toàn diện

- **Đặc trưng 2: Chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ:** Nhân dân lao động làm chủ, nhân dân sẽ quyết định xã hội đấy, vì vậy cứ 5 năm chúng ta có một cuộc bầu cử quốc hội

- **Đặc trưng 3: Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu:** Công hữu về tư liệu sản xuất nghĩa là ở Việt Nam chúng ta đất đai không phụ thuộc của cá nhân, cá nhân chỉ có quyền sở hữu mà thôi => Sở hữu đất của Việt Nam là sở hữu toàn dân và đó chính là công hữu. Những tư liệu sản xuất ví dụ như điện, đường, trường, trạm, cảng, biển, các khu công nghiệp, kinh tế,... nó cũng thuộc công hữu chứ không thuộc về cá nhân nào.

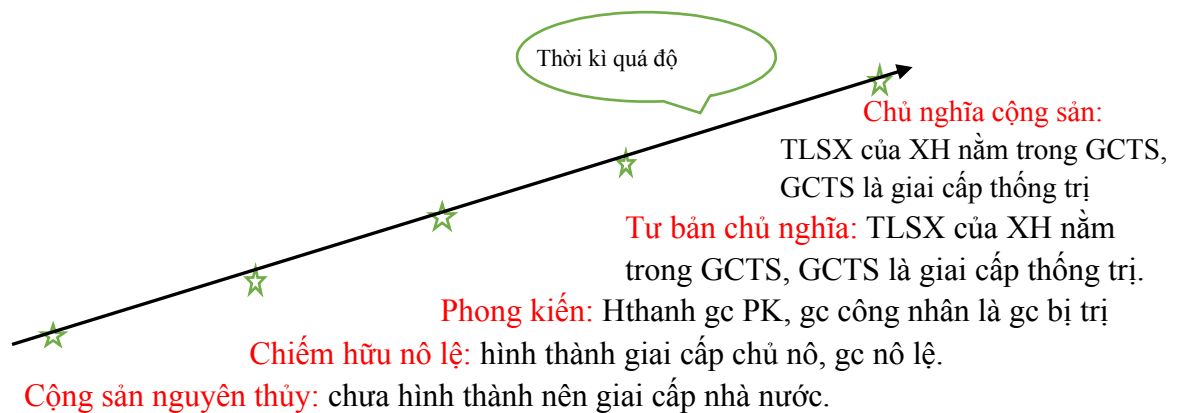
- **Đặc trưng 4: Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân:** Từ trước đến giờ chưa có nhà nước, chủ yếu là nhà nước phong kiến, chủ nô, tư bản chủ nghĩa,... thì nó thuộc về một giai cấp trong xã hội. Nhưng khi đến với nhà nước chủ nghĩa xã hội thì lại đảo vế, vì những hình thái trước thì giai cấp nào nắm nắm về tư liệu sản xuất sẽ là giai cấp thống trị, còn ở chủ nghĩa xã hội thì giai cấp công nhân, nhân dân lao động, giai cấp đông đảo nhất xã hội là giai cấp cầm quyền.

- **Đặc trưng 5: Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại:** nền văn hóa phát triển cao

- **Đặc trưng 6: Chủ nghĩa xã hội đảm bảo bình đẳng đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới:** Chúng mình ở Việt Nam chúng ta không phân biệt dân tộc và tôn giáo, không gây thù với các nước khác, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình

Câu 3: Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH?

* **Tính tất yếu thời kỳ quá độ lên CNXH**



Cộng sản nguyên thủy, Chiếm hữu nô lệ, Phong kiến, Tư bản chủ nghĩa > có sự khác biệt về chất < Cộng sản chủ nghĩa (không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do)

* **Theo quan điểm của CN Mác - Lênin:** Giữa XH TBCN và XH CSCN là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ đó là thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của GCVS.

* **Các loại quá độ từ CNTB lên CNCS:**

- Quá độ trực tiếp: đối với các nước đã trải qua CNTB phát triển (TBCN -> CNCS (thời gian ngắn hơn))

- Quá độ gián tiếp: đối với các nước chưa trải qua CNTB phát triển (PK -> CNCS (thời gian dài hơn))

Câu 4: Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH?

- Trên lĩnh vực kinh tế:

+ Tất yếu tồn tại kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập. VD: VN có KT nhà nước, KT tập thể, KT tư nhân, KT có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Tương ứng nước Nga, Lenin cho rằng thời kì quá độ tồn tại 5 thành phần kinh tế: Kinh tế gia trưởng, kinh tế hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản, kinh tế nhà nước, kinh tế XHCN.

=> Tồn tại nhiều thành phần kinh tế vì đây là thời kì XD và phát triển về nền tảng kinh tế cho CNXH nên nó có nhiều thành phần đối lập để kích thích sự tăng trưởng.

- **Trên lĩnh vực chính trị:** thiết lập tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất nó là việc gc công nhân nắm và sd quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành XD một XH không giai cấp.

=> Thời kì cải tạo XH vì vậy phải tăng cường sức mạnh của nhà nước để trấn áp GCTS

- Trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa:

+ Thời kì quá độ còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau. Chủ yếu là TTVS và TTTS.

+ GCCN từng bước XD VH vô sản, nền VH mới XHCN, tiếp thu giá trị VH dân tộc và tinh hoa VH nhân loại

=> So sánh ở VN trong thời kì quá độ còn tư tưởng PK, nhưng GCVS tư tưởng của ĐCS để XD XH mới, trấn áp tư tưởng của PK. VD như trọng nam khinh nữ, gia trưởng, hôn nhân ép buộc,...

- Trên lĩnh vực XH:

+ TKQĐ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp XH, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. VD như ở VN có những tầng lớp công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân.

+ Bởi vậy thời kì này là thời kì đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn XH và những tàn dư của XH cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

=> Xóa bỏ tệ nạn xã hội: vd như lối ăn chơi của TB khi Mĩ sang VN chúng ta.

Câu 5: Đặc điểm quá độ lên CNXH ở VN là bỏ qua chế độ TBCN?

*** VN tiến lên CNXH trong những điều kiện thuận lợi, khó khăn đan xen, có những đặc trưng cơ bản sau:**

1. - Xuất phát từ một xã hội thuộc địa, nửa PK, LLSX rất thấp
 - Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài, hậu quả để lại nặng nề
 - Các thế lực thù địch luôn tìm cách chế độ XHCN
2. - Cuộc CM KHCN hiện đại diễn ra mạnh mẽ và cuốn hút tất cả các nước.
 - Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc. Đặt ra thời cơ và thách thức.
3. - Đến nay vẫn là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, cho dù chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

- Các nước với chế độ XH và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia dân tộc.

*** Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, như đại hội IX của Đảng xác định những nội dung sau:**

- *Thứ nhất:* quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là con đường CM tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

- *Thứ hai:*

+ Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của QHSX và KTTT TBCN.

+ Tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần KT song sở hữu tư nhân TBCN và thành phần KT tư nhân TBCN không chiếm vai trò chủ đạo.

- *Thứ ba:* Thời kì này đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới CNTB, đặc biệt là KH và công nghệ.

- *Thứ bốn:* Là thời kì tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức KT, XH đòi hỏi sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Câu 6: Những đặc trưng của CNXH ở VN?

1. Dân giàu , nước mạnh, dân chủ, công bằng , văn minh:

Ví dụ:

- Dân giàu - Từ một đất nước thuộc địa nửa phong kiến, nghèo nàn thiếu ăn thiếu mặc, giờ đây dưới sự lãnh đạo của ĐCS ,tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã đảm bảo khả năng tự cung lương thực với sản lượng lương thực bình quân tính trên đầu người ở mức tương đối cao (đứng thứ 6 trên thế giới).

- Nước mạnh: Việt Nam là thành viên không thường trực tại hội đồng bảo an LHQ

- Dân chủ- Nhà nước của dân, do dân, vì dân, mọi hoạt động của nhà nước đều được thực hiện dưới sự giám sát của người dân

- Công bằng- Mọi người dân đều được bình đẳng về cơ hội học tập(ngày xưa là trọng nam kinh nữ , chỉ có nam mới được đi học, nay cơ hội học tập đều đến được với mọi người, những người có hoàn cảnh khó khăn đều được nhà nước hỗ trợ)

- Văn minh: xã hội ngày càng phát triển, trình độ của người dân đều được nâng cao, tỉ lệ dân số có trình độ đại học trở lên tăng mạnh nhất, từ 4,9% (năm 2007) lên 11,1% (quý II/2020). Điều này cho thấy trong những năm qua, giáo dục đại học và trên đại học của Việt Nam đã có những thay đổi lớn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước

2. Ví dụ đặc trưng do nhân dân làm chủ:

Đối với những vấn đề do nhân dân đề xuất, đóng góp và thực hiện (xây dựng nhà trẻ, trường học, đường giao thông...) nhân dân phải được bàn, được quyết định trên cơ sở chủ trương của Đảng, NN, nhân dân có quyền kiểm tra, giám sát kế hoạch thực hiện

3. Việt nam có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX phù hợp:

☆ *Lực lượng sản xuất:*

- Thứ nhất, là trình độ của người lao động: đã được nâng cao rõ rệt và không ngừng tăng cao, cụ thể: tỉ lệ người lao động đã qua đào tạo có xu hướng tăng nhanh từ 9.357.532 người năm 2003 (chiếm 22,5% tổng số lao động của cả nước) lên 10.770.688 người năm 2005 (chiếm 25% tổng số lao động của cả nước) trong đó, số lao động có trình độ cao đẳng, đại học là 5.708.465 người (chiếm 5,3 %) .

- Thứ hai, là trình độ của tư liệu sản xuất tiến bộ hơn so với thời kì trước đổi mới cụ thể:

+ Công cụ lao động hiện đại hơn với sự đầu tư: Điển hình, trước thời kì đổi mới chúng ta sử dụng trâu, bò để cày, máy móc đưa vào sản xuất còn hạn chế và thô sơ. Nhưng đến giai đoạn hiện nay, đã được thay bằng máy cày,...việc sản xuất đã được trang bị bởi một hệ thống máy móc hiện đại nhập khẩu từ nước ngoài góp phần làm cho nền kinh tế đất nước phát triển nhanh.

+ Đối tượng lao động hiện nay cũng hiện đại hơn rất nhiều: nếu trước đây với nền văn minh nông nghiệp thì đối tượng lao động chủ yếu là ruộng đất còn trong giai đoạn hiện nay, với nền văn minh cơ khí thì đối tượng lao động được mở rộng với các nguyên liệu như: than đá, chất đốt, dầu khí,...

☆ ***Quan hệ sản xuất:*** Sau 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa quan trọng: nền kinh tế tăng trưởng liên

tục, chế độ bao cấp bị xóa bỏ. “Cùng với việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1991-1995) nước ta đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt: lao động có việc làm tăng nhanh, mỗi năm tạo ra hàng trăm việc làm mới, GDP đầu người đạt 1.300USD/ năm (năm 2011)

4. Nền Văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:

- Nền Văn hóa tiên tiến thể hiện tinh thần yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên.

- Nền Văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc Văn hóa dân tộc còn đậm nét trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.

- Ví dụ về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc Văn hóa dân tộc: Hằng năm, nước ta diễn ra rất nhiều các lễ hội khác nhau, nhằm thể hiện nét đẹp truyền thống từ xa xưa và giữ gìn bản sắc dân tộc. Một số lễ hội điển hình như:

- + 10/3 âm lịch diễn ra ngày giỗ tổ Hùng Vương
- + 20/1 âm lịch diễn ra lễ hội Đền Quả Sơn (Nghệ An)
- + Lễ hội chùa Hương đầu năm
- + 8/4 âm lịch diễn ra lễ hội Thánh Gióng

5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

- Bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa, trình độ phát triển của xã hội chủ nghĩa, rõ ràng, là bản chất và trình độ phát triển người, của con người. Xã hội xã hội chủ nghĩa phải đem lại ấm no cho con người như là đòi hỏi tiên quyết. Nhưng bản tính con người là không bao giờ thỏa mãn với những gì đã đạt được. Con người phải được tự do - tự do không chỉ bó hẹp trong nghĩa được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, nô dịch, kìm hãm về mặt xã hội. Điều quan trọng hơn là nó được thăng hoa

tiềm năng trí tuệ, tình cảm và năng lực vốn có để thực hiện những khát vọng cao đẹp của mình.

- Sự phát triển toàn diện con người là ước mơ, khát vọng của con người tự do. Xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nơi: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người... như C.Mác đã nói. Đặc trưng người nhất của khát vọng con người là hạnh phúc. Bởi có thể người ta giàu có, đầy đủ tiện nghi, được phát triển, song vẫn bất hạnh. Hạnh phúc là trạng thái yên lành, hài hòa, là tinh thần thoải mái biểu hiện sự mãn nguyện thanh cao nhất của con người. Phấn đấu đạt tới một xã hội bảo đảm hạnh phúc cho con người, đó là một xã hội văn hóa cao.

6. Các dân tộc trong cộng đồng VN bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

- Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đã tổng kết các thời kỳ, giai đoạn lịch sử cụ thể và đổi mới nội dung chính sách, phương thức lãnh đạo, biện pháp tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, từng bước khắc phục sự chênh lệch về mọi mặt của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc, để mục tiêu “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng tiến bộ” ngày càng được hiện thực hóa một cách đầy đủ hơn.

- Để hoạch định chính sách dân tộc phù hợp với đặc điểm của mỗi vùng miền, của từng đối tượng cụ thể và để chính sách ban hành ra sớm đi vào cuộc sống, chúng ta đã tiến hành phân định vùng dân tộc thiểu số theo điều kiện địa lý tự nhiên; theo trình độ phát triển kinh tế xã hội.

+ Bước đầu là phân định: Miền núi, vùng cao, vùng có miền núi và vùng đồng bằng có dân tộc thiểu số sinh sống.

+ Tiếp đó, phân chia vùng dân tộc thành 3 khu vực theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội (theo 5 tiêu chí: về đời sống; về cơ sở hạ tầng; về các yếu tố xã hội; về điều kiện sản xuất và về điều kiện tự nhiên của địa bàn cư trú).

=> Từ việc phân định này đã hình thành và triển khai thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135) từ năm 1998 đến nay.

- Với việc lựa chọn các xã đặc biệt khó khăn, vùng nghèo nhất nước để tập trung đầu tư là sự đổi mới về nhận thức và phương pháp xây dựng chính sách dân tộc và tổ chức thực hiện công tác dân tộc. Nếu như trước đây chúng ta thực hiện chính sách dân tộc thường là theo lộ trình “Để làm trước tin dần đến những vùng khó

khăn hơn” thì nay đổi lại, chọn nơi khó nhất, nghèo nhất để tập trung ưu tiên đầu tư, hỗ trợ.

- Đổi mới cách làm như vậy đã góp phần rất lớn trong việc hạn chế sự “dẫn ra” khoảng cách chênh lệch, phân cực giàu nghèo trong xã hội hiện nay, mà cực nghèo phần lớn “rơi vào” vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Đây là vấn đề cơ bản của việc đổi mới nội dung và phương thức công tác dân tộc mà hiện nay đang thực hiện.

7. Có nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân do ĐCS lãnh đạo

- Hiện nay, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Do Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo.

- VD:

+ Nhà nước Việt Nam mới là nhà nước quyền lực thuộc về nhân dân. Đó là nhà nước mà trong đó các quyền tự do của con người được ghi nhận, được bảo đảm.

+ Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở hai phương diện:

(1). Nhà nước ta chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;

(2). Nhà nước ta mang tính nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

+ Nhà nước Việt Nam quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Theo Hồ Chí Minh, pháp luật là của nhân dân và để phục vụ nhân dân, mọi quyền hạn, công lý “đều là nơi dân”; pháp luật là công cụ để củng cố nhà nước, duy trì trật tự xã hội.

8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới:

- Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ thể hiện tính ưu việt trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mà còn thể hiện trong quan hệ đối ngoại, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

- Việt Nam luôn luôn khẳng định quan hệ hữu nghị và hợp tác giữ nhân dân ta và nhân dân các nước trên thế giới. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế... Đảng và Nhà nước ta chủ trương hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị-xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia tích cực vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực đã chứng minh một cách sinh động tính ưu việt của

chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng, thể hiện trong đặc trưng về quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Câu 7: Phương hướng XD của XHCN VN hiện nay?

1. Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn liền với phát triển KTTT, bảo vệ tài nguyên, môi trường

- CNH là một giai đoạn tất yếu của mỗi quốc gia. Đối với nước ta, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, muốn tiến lên CNXH, nhất thiết phải trải qua CNH.

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp sinh thái nhiệt đới đa dạng sản phẩm hàng hóa, tỷ suất hàng hóa, chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh cao, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương.

- Xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất và đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh. Xây dựng nông thôn mới theo hướng dân chủ, công bằng, nông dân có cuộc sống no đủ, có đời sống văn hóa lành mạnh, có môi trường

- Đẩy mạnh CNH, HĐH đòi hỏi tập trung phát triển trước hết một số vùng có khả năng tăng trưởng mạnh nhất, tạo động lực lan tỏa đến các vùng khác trong nước.

2. Phát triển KTTT định hướng XHCN

- Việt Nam đã dần hình thành đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, vận hành cơ bản thông suốt, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế:

+ Thị trường hàng hóa, dịch vụ đã có bước phát triển và hoàn thiện về quy mô, cơ cấu hàng hóa - thị trường trong và ngoài nước, kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ, cơ chế quản lý, mức độ cạnh tranh. Quy mô thị trường trong nước liên tục tăng.

+ Thị trường tài chính, tiền tệ phát triển khá mạnh và sôi động. Bên cạnh kênh huy động vốn từ ngân hàng, thị trường chứng khoán đã bước đầu hình thành, góp phần đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Đồng thời, hoạt động của thị trường bảo hiểm đã đóng góp tích cực vào việc ổn định sản xuất và đời sống dân cư, huy động vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tỷ giá đồng tiền, giá ngoại tệ, giá vàng cơ bản giữ được ổn định.

+ Thị trường bất động sản đã có bước phát triển nhất định, nhiều dự án khu nhà ở, khu đô thị mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tương đối đồng bộ

đã được hình thành, góp phần đô thị hóa và dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

+ Thị trường lao động đã được hình thành trên phạm vi cả nước. Nguồn cung lao động khá dồi dào và gia tăng với tốc độ nhanh.

+ Thị trường khoa học - công nghệ đang hình thành và phát triển, số lượng và giá trị giao dịch công nghệ có bước tiến đáng kể trong những năm gần đây.

+ Thị trường một số loại dịch vụ công cơ bản, nhất là về y tế, giáo dục có bước phát triển mới, huy động được các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia.

- Khung khổ thể chế từng bước được hoàn thiện tạo điều kiện phát huy vai trò tích cực của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân, trong tự do kinh doanh và cạnh tranh theo quy định của pháp luật:

+ Kinh tế nhà nước, hệ thống doanh nghiệp nhà nước từng bước được cơ cấu lại, cổ phần hóa theo Luật Doanh nghiệp và đang giảm mạnh về số lượng.

+ Kinh tế tập thể bước đầu được đổi mới, các hình thức hợp tác kiểu mới được hình thành phù hợp hơn với cơ chế thị trường, theo nguyên tắc hợp tác cùng có lợi.

+ Kinh tế tư nhân tăng nhanh về số lượng, từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh, giải quyết việc làm, đóng góp ngày càng lớn vào GDP.

+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã có những đóng góp quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm và xuất khẩu, quan hệ hợp tác đa phương và khu vực tích cực hơn với nhiều tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB). Việt Nam hiện đang tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương (FTA), mới đây nhất đã ký kết FTA với Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á - Âu; đã chủ động tham gia và đưa ra nhiều đề xuất nhằm thúc đẩy đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác kinh tế khu vực toàn diện (RCEP); đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do (FTAs) với Liên minh châu Âu (EU),...

3. XD nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; XD con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng XH

- Về việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc Đảng, Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước các cấp đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng về các lĩnh vực phát triển văn hóa. Nhiều lễ hội, sự kiện văn hóa trong và ngoài nước được tổ chức, trong đó có các lễ hội, liên hoan nghệ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số; hệ thống bảo tàng tiếp tục được mở rộng và ngày càng đổi mới về nội dung và hình thức trình bày, thực hiện tốt công

tác giáo dục truyền thống, nâng cao giá trị văn hóa, khoa học cho người dân, nhất là thế hệ trẻ; các thiết chế văn hóa được quan tâm xây dựng và từng bước hiện đại, phát triển rộng khắp từ trung ương tới cấp xã.

- Trung tâm văn hóa, nhà văn hóa không chỉ được mở rộng ở một số quốc gia, ở trong nước cũng được phát triển đến các thôn, bản; vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong xây dựng con người mới, gia đình hạnh phúc, môi trường văn hóa lành mạnh luôn được quan tâm.

- Ngoài ra, các lĩnh vực về quyền tác giả, các quyền liên quan, công nghiệp văn hóa được xác định sớm. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa không ngừng lớn mạnh, trong đó có cả văn hóa quần chúng, nghệ nhân và văn hóa đỉnh cao; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được mở rộng và từng bước đi vào chiều sâu, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, đạo đức, lối sống cho các tầng lớp nhân dân; hệ thống thông tin, báo chí, xuất bản phát triển rộng khắp từ trung ương đến địa phương với tất cả các loại hình báo chí, đáp ứng nhu cầu về thông tin trong nước và quốc tế cho người dân, cùng với các lĩnh vực văn hóa khác, góp phần thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền.

4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn XH

- *Một là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

- *Hai là*, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các cấp ủy Đảng lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt đối với các lực lượng nòng cốt, chuyên trách vào vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, theo cơ chế cấp ủy lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành tập trung thống nhất và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có sự tham mưu, hướng dẫn cơ quan công an, lực lượng chuyên trách an ninh của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố.

- *Ba là*, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của chính quyền đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- *Bốn là*, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chủ động thích cực hội nhập quốc tế

- Việt Nam kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế với phương châm Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

- Trong một thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, an ninh của Việt Nam không thể tách rời an ninh khu vực nói riêng và an ninh của thế giới nói chung. Hợp tác quốc phòng là một trong những yếu tố quan trọng để duy trì hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới đồng thời cũng là một yếu tố quan trọng để thực hiện các mục tiêu quốc phòng của Việt Nam. Chính vì vậy, Việt Nam chủ trương mở rộng đối ngoại quốc phòng, tham gia ngày càng tích cực vào các hoạt động hợp tác quốc phòng, an ninh của khu vực và của cộng đồng quốc tế.

- Việt Nam mong muốn mở rộng quan hệ quốc phòng song phương với tất cả các quốc gia. Các lĩnh vực ưu tiên trong quan hệ quốc phòng của Việt Nam với các nước là trao đổi các đoàn quân sự, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm; hợp tác huấn luyện, đào tạo, giải quyết các vấn đề nhân đạo... Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng chính thức với 65 nước trong đó có các cường quốc trên thế giới; đã thiết lập tuy viên quốc phòng tại 31 nước và đã có 42 nước thiết lập tuy viên quốc phòng tại Việt Nam.

- Về hội nhập quốc tế, đến năm 2020 Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện, có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ.

6. XD nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

- Cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc dựa vào dân, thực hiện tốt công tác vận động quần chúng, tạo nền tảng xây dựng “thế trận lòng dân” gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

- Đảng ta tiếp tục thực hiện các chủ trương về vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời đẹp đạo, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đến năm 2020, Việt Nam đã công nhận và cấp đăng ký hoạt động cho 43 tổ chức, thuộc 16 tôn giáo với trên 26 triệu tín đồ, 55.870 chức sắc, 145.561 chức việc, 29.396 cơ sở thờ tự.

7. XD nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân

- Nhà nước pháp quyền của nhân dân thì dân được làm chủ được hưởng mọi quyền dân chủ. Do dân là vì mọi đại biểu trong cơ cấu tổ chức nhà nước đều do nhân dân bầu ra thông qua các cuộc bầu cử để bầu ra các đại biểu để dành quyền lợi cho mình. Vì nhân dân, nhà nước thông qua bầu cử sẽ phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân.

- Thông qua cuộc bầu cử mình sẽ bầu ra được đại biểu đại diện cho địa phương mình, nhờ đại biểu đó mình có quyền yêu cầu đại biểu trình bày lên Đại Hội để yêu cầu sự giúp đỡ như xây dựng đường xá cầu cống hay vùng khó khăn thì sẽ có chính sách hỗ trợ riêng

8. Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh

- Đảng ta ra kế hoạch ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái trong Đảng, tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

- Khắc phục, giải quyết nghiêm các tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, trong đó có cả một số cán bộ cao cấp

- Đổi mới công tác cán bộ và ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền; tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, xử lý nghiêm những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm

- Đầu tư nhiều vào công tác tư tưởng lý luận để nâng cao chất lượng và hiệu quả, tuyên truyền học tập chủ nghĩa Mác- Lê nin tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

CHƯƠNG 4

Câu 1: Quá trình ra đời của nền DC XHCN?

DÂN CHỦ VÀ SỰ RA ĐỜI, PHÁT TRIỂN CỦA DÂN CHỦ

*** Khái niệm:**

- *Các nhà tư tưởng hy lạp cổ đại:* Demoskratos: Demos" là nhân dân Kratos là cai trị”

- Chủ nghĩa Mac LêNin:

+ Phương diện quyền lực Dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân làm chủ nhân nhà nước.

+ Phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị Dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước.

+ Tổ chức và quản lí xã hội: Dân chủ là một nguyên tắc - Nguyên tắc dân chủ

- Chủ tịch Hồ Chí Minh:

+ Dân chủ là một giá trị nhân loại chung, dân là chủ và dân làm chủ.

+ Dân chủ là thể chế chính trị, một chế độ xã hội

=> Dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người

=> Là hình thức tổ chức nhà nước của giải cấp cầm quyền

=> Có quá trình ra đời, phát triển cùng với lịch sử xã hội nhân loại

*** Sự ra đời, phát triển và bản chất từng hình thái:**

- **Cộng sản nguyên thủy (dc nguyên thủy):** Mạnh nha của dân chủ; Nhân dân bầu ra thủ lĩnh quân sự thông qua đại hội nhân dân

- **Chiếm hữu nô lệ (dc nô lệ):** Ra đời sau khi dân chủ nguyên thủy tan rã; Là nhà nước dân chủ chủ nô có quyền lực của dân nhưng không bao gồm nô lệ; Dân chủ đại diện cho thiểu số, quyền lực của dân bỏ hẹp

- **Phong kiến:** Chế độ độc tài chuyên chế phong kiến- hầu như không có dân chủ

- **Tư bản chủ nghĩa (dctb):** Mở đường cho dân chủ tư sản với những giá trị nổi bật về quyền tự do, bình đẳng, dân chủ; Vẫn là nền dân chủ thiểu số thuộc về những người nắm giữ TLSX

- **Chủ nghĩa vô sản (dcvs):** Nhân dân làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội thiết lập nền dân chủ vô sản; Thực hiện quyền lực nhân dân, xây dựng nhà nước dân chủ thật sự, dân làm chủ và bảo vệ quyền lợi của đại đa số nhân dân

*** Các nền dân chủ của nhân loại:**

- Nền dân chủ XHCN gắn liền với chế độ CNXH

- Nền dân chủ TS gắn với chế độ TBCN

- Nền dân chủ chủ nô gắn liền với chế độ chiếm hữu nô lệ

Câu 2: Bản chất của nền DC XHCN?

* **Khái niệm:** Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, được pháp luật bảo đảm dưới sự lãnh đạo của Đảng, là hình thức thể hiện quyền tự do, bình đẳng của công dân xác định nhân dân là chủ thể của quyền lực. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

*** Bản chất:**

- Bản chất chính trị:

+ *Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do đảng Cộng sản lãnh đạo:* Dưới sự lãnh đạo duy nhất của đảng Cộng sản trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện thể hiện qua các quyền làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn về nhu cầu con người

+ *Nhân dân lao động là những người làm chủ những quan hệ chính trị trong xã hội:* Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là người làm chủ những quan hệ chính trị xã hội. Họ có quyền được giới thiệu các đại biểu tham gia vào bộ máy từ trung ương đến địa phương, tham gia đóng góp xây dựng ý kiến xây dựng chính sách pháp luật, xây dựng bộ máy và cán bộ, nhân viên nhà nước

+ *Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc:* Vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi tính dân tộc sâu sắc. Do vậy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất so với nền dân chủ tư sản ở bản chất giai cấp (giai cấp công nhân và giai cấp tư sản) ở cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên, ở bản chất nhà nước (nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản)

Ví dụ: Công dân tham gia vào các cuộc bầu cử, ứng cử. Nhân dân có quyền giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước, phát hiện và lên án những biểu hiện vi phạm pháp luật, tham ô, tham nhũng, lãng phí

- Bản chất kinh tế:

+ Dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội

+ Đảm bảo quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối

+ Coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất có sức thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển

Ví dụ:- Nhà nước Việt Nam đã chia 74 tỷ đồng về chống dịch và hỗ trợ người dân khó khăn vì đại dịch covid 19.

- Nhân dân có quyền được tự do trao đổi buôn bán hàng hóa theo quy định của nhà nước, người lao động được sự bảo hộ của nhà nước khỏi áp bức, bóc lột sức lao động

- Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội:

+ *Tư tưởng:* lấy hệ tư tưởng Mác-Lênin-hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới

+ *Văn hóa:* từng bước xây dựng văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu văn hóa-tinh thần ngày càng tăng của nhân dân

+ *Xã hội:* tiếp thu những giá trị tư tưởng-văn hóa, văn minh, tiên bộ xã hội

Ví dụ: Nhân dân được sáng tác, phê bình văn học nghệ thuật. Nhiều hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc như: 10/3 âm lịch diễn ra giỗ tổ Hùng Vương, 8/4 âm lịch diễn ra lễ hội Thánh Gióng

Câu 3: Sự ra đời của nhà nước XHCN? Bản chất của nhà nước XHCN?

*** Sự ra đời:**

- *Nguyện vọng của nhân dân lao động:* Muốn thoát khỏi áp bức, bất công và chuyên chế, xây dựng một xã hội công bằng, Dân chủ, văn minh

- **Kết quả:** Cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản

* **Bản chất:**

- **Về chính trị:**

+ Mang bản chất giai cấp công nhân, giai cấp vô sản giữ địa vị thống trị về chính trị

+ Là sự thống trị của đa số đối với thiểu số giai cấp bóc lột nhằm giải phóng giai cấp mình và tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội

- **Về kinh tế:** Chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột

- **Về văn hóa-xã hội:**

+ Xây dựng trên lý luận của chủ nghĩa mác Lênin, những giá trị văn hóa tiên tiến đồng thời mang bản sắc riêng của dân tộc

+ Các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội phát triển

* **Chức năng:**

- **Phạm vi tác động:** Chức năng đối nội, chức năng đối ngoại

- **Lĩnh vực tác động:** Chức năng chính trị, chức năng kinh tế, chức năng văn hóa-xã hội

- **Tính chất:** Chức năng giai cấp (trấn áp), chức năng xã hội (tổ chức và xây dựng)

Câu 5: Mqh giữa DC XHCN và nhà nước XHCN?

- *Cơ sở nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa:*

+ Tham gia trực tiếp, gián tiếp vào hoạt động quản lý nhà nước: Bầu cử ứng cử

+ Khai thác và phát huy trí tuệ của nhân dân cho hoạt động nhà nước: Các đại hội hằng năm để người dân đóng góp ý kiến

- *Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng trong việc thực thi quyền làm chủ của nhân dân:*

+ Cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình: Các nhân quyền, quyền con người

+ Công cụ bạo lực để ngăn chặn hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích của người dân: Thi hành pháp luật bảo vệ quyền con người

Câu 6: Bản chất của nền DC XHCN ở VN?

*** Sự ra đời và phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:**

- Chế độ dân chủ nhân dân được xác lập sau cách mạng tháng tám 1945
- Đại hội VI của đảng (1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã nhân mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước

*** Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam:**

- Do nhân dân làm chủ
- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta vừa là mục tiêu vừa là động lực cho sự phát triển của đất nước

*** Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:**

- Kế thừa tư tưởng dân chủ trong lịch sử mà trực tiếp là tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội chủ nghĩa. Dân chủ gắn liền với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật đảm bảo dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh)

+ Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh)

+ Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân)

+ Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội (phát huy sức mạnh của nhân dân, của dân tộc)

+ Dân chủ gắn với pháp luật (gắn liền với kỷ luật, kỷ cương)

+ Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các giai cấp, mọi lĩnh vực

- Hình thức dân chủ:

+ Dân chủ gián tiếp: là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân ủy quyền, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra

+ Dân chủ trực tiếp: là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội

*** Một vài ví dụ về dân chủ xã hội chủ nghĩa:**

- 16/5/2021, đồng chí tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay", đăng tải trên báo nhân dân. Trong đó tổng bí thư khẳng định: "Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam"

- Nhân dân tham gia vào các cuộc bầu cử
- Nhân dân tham gia ý kiến vào những lúc nhà nước mở hội trưng cầu ý dân
- Đối với những vấn đề do nhân dân đề xuất, đóng góp và thực hiện (xây dựng nhà trẻ, trường học, đường giao thông,...) nhân dân phải được bàn, được quyết định trên cơ sở chủ trương của đảng, nhà nước, nhân dân có quyền kiểm tra, giám sát kế hoạch thực hiện

Câu 7: Đặc điểm của nhà nước pháp quyền XHCN VN?

- **Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:** Theo quan niệm chung, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật, nhà nước hướng tới những vấn đề về phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho cá nhân được tự do, bình đẳng

- Đặc điểm:

- + Nhà nước của dân, do dân, vì dân
- + Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở hiến pháp và pháp luật
- + Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, kiểm soát cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp
- + Do đảng Cộng sản lãnh đạo
- + Tôn trọng con người
- + Hoạt động theo nguyên tắc dân chủ

- Xây dựng và hoàn thiện:

- + Xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội
- + Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của nhà nước
- + Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực
- + Đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí thực hành tiết kiệm

CHƯƠNG 5

Câu 1: Phân tích khái niệm và vị trí của CCXH - giai cấp trong CCXH. Lấy vd minh họa

*** Khái niệm:**

- Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan và mối quan hệ giữa chúng về sở hữu, về quản lý, về địa vị chính trị - xã hội... trong một hệ thống sản xuất nhất định.

*** Vị trí:**

- Liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý, tổ chức lao động, phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định

- Ảnh hưởng đến sự biến đổi của các loại cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội, cũng như tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

*** Ví dụ:** Cơ cấu xã hội-giai cấp của Việt Nam bao gồm:

- Cơ cấu giai cấp ở Việt Nam hiện nay bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, người sản xuất nhỏ, tầng lớp doanh nhân. Liên minh công – nông – trí thức là cơ sở của toàn xã hội, làm cơ sở chính trị – xã hội vững chắc cho chế độ mới. Giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo, quyết định xu hướng phát triển của xã hội. Nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động trở thành người làm chủ xã hội. Trí thức ngày càng có vai trò quyết định trong việc ứng dụng những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước. Tầng lớp doanh nhân phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của mình, hoạt động theo luật pháp và định hướng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu xã hội – giai cấp nước ta biến đổi theo xu hướng tiến bộ, được phản ánh ở sự thay đổi tích cực của các giai cấp tầng lớp xã hội (công nhân, nông dân, trí thức...). Trong suốt thời kỳ quá độ, liên minh công – nông – trí thức là lực lượng chính trị – xã hội cơ bản, là nền tảng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ở vai trò quan trọng đặc biệt là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa

- Giai cấp nông dân Việt Nam có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc và cơ sở lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế xã hội ổn định chính trị đảm bảo an ninh quốc phòng. Giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Là chủ thể của quá trình phát triển xây dựng nông thôn mới, đã trốn chạy của quá trình phát triển và sát xây phát triển toàn diện hiện đại hóa nông nghiệp

- Đội ngũ tri thức là lực lượng trong khối liên minh lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong quá trình thúc đẩy công nghiệp hóa hiện đại hóa và xây dựng kinh tế thị trường

- Đội ngũ doanh nhân làm giai cấp góp phần tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động tham gia giải quyết vấn đề an sinh xã hội xóa đói giảm nghèo

- Phụ nữ phụ nữ là một lực lượng quan trọng và đông đảo những người lao động tạo dựng nền xã hội và đóng góp to lớn cho sự nghiệp chủ nghĩa xã hội

- Đội ngũ thanh niên là trường cột của nước nhà chủ nhân của tương lai đất nước là những lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 2: Phân tích sự biến đổi có tính quy luật của CCXH - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Lấy vd minh họa

*** Khái niệm của CCXH - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH:**

- Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên

- Cơ cấu xã hội-giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan và mối quan hệ giữa chúng về sở hữu, về quản lý, về địa vị chính trị-xã hội... trong một hệ thống sản xuất nhất định

*** Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH:**

- *Cơ cấu xã hội – giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính quy luật như sau:*

+ ***Biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*** Cơ cấu xã hội – giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu kinh tế trong mỗi thời đại lịch sử. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế nhiều thành phần với những hình thức sở hữu đa dạng đã hình thành cơ cấu xã hội – giai cấp với nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau. Quá trình biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó tất yếu kéo theo những biến đổi trong cơ cấu xã hội – giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể cũng như những biến đổi trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội.

Ví dụ: Trước đây cơ cấu Kinh tế VN Nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn, sau đó mới tới Công nghiệp - Dịch vụ => cơ cấu KT lạc hậu kéo theo cơ cấu xã hội giai cấp lạc hậu: giai cấp nông dân chiếm phần lớn, giai cấp công nhân, tầng lớp tri thức chiếm tỉ lệ ít hơn. Đến nay, cơ cấu KT VN bước vào thời kì đổi mới, đẩy mạnh cơ cấu kinh tế trong đó Công nghiệp - Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao => giai cấp công nhân tăng rất nhanh, giai cấp nông dân giảm nhưng chất lượng đời sống cao

+ ***Biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới:*** Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội...

Ví dụ: Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên. Cơ cấu xã hội có nhiều loại, như: cơ cấu xã hội - dân cư, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo, v.v... Dưới góc độ chính trị - xã hội, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung nghiên cứu cơ cấu xã hội - giai cấp vì đó là một trong những cơ sở để nghiên cứu vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong một chế độ xã hội nhất định. Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội...giữa các giai cấp và tầng lớp đó. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Yếu tố quyết định mối quan hệ đó là họ cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các giai cấp, tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ v.v... Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có những vị trí và vai trò xác định song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân cùng hợp lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mới thay thế hình thái kinh tế - xã hội cũ đã lỗi thời.

+ ***Biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội:*** Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa công nhân, nông dân và trí thức. Trong cơ cấu xã hội

- giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Ví dụ: các giai cấp ở Việt Nam mặc dù có đấu tranh với nhau nhưng vẫn liên minh để hướng tới đích đến chung là CNXH từng bước xóa bỏ sự bất bình đẳng trong xã hội, giúp các giai cấp xích lại gần nhau thông qua việc xóa bỏ chế độ tư hữu về tlsx thay bằng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

Câu 3: Phân tích vai trò Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Lấy vd minh họa

Câu 4: CCXH - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN. Lấy vd minh họa

Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên. Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan và mối quan hệ giữa chúng về sở hữu, về quản lý, về địa vị chính trị - xã hội... trong một hệ thống sản xuất nhất định.

✓ Giai cấp công nhân: - Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là ĐCSVN; - Đại diện cho PTSX tiên tiến; - Giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng CNXH; - Là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH-HĐH; Ví dụ: Trong các giai đoạn lịch sử của Việt Nam, giai cấp công nhân luôn là lực lượng tiên phong của cách mạng, luôn đứng ở trung tâm các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Đặc biệt là sau hơn 30 năm đổi mới, giai cấp công nhân Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đang có mặt trong tất cả các ngành nghề, các thành phần kinh tế, là lực lượng quan trọng, đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Với đội ngũ chiếm khoảng 14% dân số và 27% lực lượng lao động xã hội, hằng năm, giai cấp công nhân đã tạo ra trên 65% giá trị tổng sản phẩm xã hội và hơn 70% NSNN. Trên khắp các lĩnh vực đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình tiên tiến, công nhân, viên chức, lao động đi đầu và thành công trong lao động sản xuất kinh doanh...

✓ Giai cấp nông dân Việt Nam: - Có vị trí chiến lược trong sự nghiệp CNHĐH, góp phần XD và BV Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển KT-XH, ổn định CT, đảm bảo AN, QP - Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái - là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới - là chủ thể của quá trình phát triển, xây phát triển toàn diện, hiện đại hóa

nông nghiệp. Ví dụ: Giai cấp nông dân và kinh tế nông nghiệp, nông thôn đóng vai trò quan trọng cho sự ra đời và thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước. Nông nghiệp, nông thôn và nông dân là 3 nhân tố góp phần quan trọng đưa đất nước thoát khỏi cơn khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm đầu thập niên 80. Kể từ những năm đầu thập niên 90, sản phẩm nông nghiệp nước ta dần dần chiếm lĩnh và khẳng định được vị trí trên thị trường quốc tế, đặc biệt, xuất khẩu gạo, hạt điều, hạt tiêu, cà phê, thủy sản... nhiều năm liền đứng tốp đầu trên thị trường thế giới. Ngày nay, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, trong điều kiện hội nhập quốc tế, vị trí của giai cấp nông dân không hề giảm đi mà vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội và sự phát triển bền vững nền kinh tế đất nước. Những năm qua, nhờ tập trung phát triển “nông nghiệp sạch”, “nông nghiệp công nghệ cao”, nông nghiệp nước ta đang chiếm lĩnh và cạnh tranh với nhiều quốc gia trên các thị trường thế giới. Việt Nam là một trong 50 nước xuất khẩu nông sản, hải sản lớn, kim ngạch xuất khẩu cao có mặt ở nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Thành công đó trước hết thuộc về giai cấp nông dân.

✓ **Đội ngũ trí thức:** - Là lực lượng trong khối liên minh. - Là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh CNH-HĐH và HNQT, xây dựng KTTT. Ví dụ: đội ngũ trí thức Việt Nam đã nêu cao ý thức trách nhiệm công dân, đã đóng góp sức lực, trí tuệ vào nhiệm vụ chung của đất nước. Họ tham gia tích cực vào hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội, góp ý kiến của mình vào các vấn đề mang tính chất quốc kế, dân sinh. Họ tích cực đấu tranh bảo vệ các giá trị tốt đẹp của cuộc sống, không để cho chủ nghĩa cơ hội, tác động tiêu cực có cơ hội len lỏi vào đời sống xã hội.

✓ **Đội ngũ doanh nhân:** - góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Ví dụ: Với việc đầu tư sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, khai thác, sử dụng các nguồn lực, phát triển lực lượng sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú, đa dạng của thị trường trong nước và thế giới, doanh nhân Việt Nam chính là lực lượng xung kích, chủ lực trong việc thay đổi cơ cấu kinh tế quốc dân, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế góp phần quan trọng đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Khu vực doanh nghiệp đóng góp trên 60% GDP, khoảng 70% thu ngân sách nhà nước.

✓ Phụ nữ: - Là một lực lượng quan trọng và đông đảo những người lao động tạo dựng nền xã hội và đóng góp phần to lớn trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Ví dụ: Trong sản xuất công nghiệp, lao động nữ chiếm đa số trong các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may. Vượt qua những khó khăn thử thách của cơ chế thị trường, chị em vừa tích cực lao động, vừa tích cực học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ học vấn, tay nghề để đáp ứng yêu cầu của việc ứng dụng công nghệ mới.

✓ Đội ngũ thanh niên: - Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ví dụ: Đội ngũ thanh niên đã thực hiện hơn 3,4 triệu công trình thanh niên các cấp, với tổng trị giá hơn 10.000 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho trên 170.000 thanh niên; triển khai 14 làng thanh niên lập nghiệp; tổ chức trên 87.000 các lớp học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật và phổ cập tin học, ngoại ngữ cho hơn 3 triệu đoàn viên, thanh niên..

CHƯƠNG 6

Câu 1: Phân tích quan điểm của CNMLN về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng chủ nghĩa. Liên hệ với VN

*** Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc:**

- **Theo nghĩa rộng**, dân tộc (quốc gia dân tộc) là một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, dân tộc là một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước. Nét đặc trưng theo nghĩa rộng:

+ Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế. Đây là một trong những đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc, các mối quan hệ kinh tế là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên dân tộc, tạo nên nền tảng vững chắc cho cộng đồng dân tộc

+ Có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt, tập trung cư trú trên 1 quốc gia, hoặc cư trú đan xen với nhiều dân tộc, anh em, là cơ sở sinh tồn và phát triển của cộng đồng dân tộc

+ Có sự quản lý của một nhà nước dân tộc độc lập

+ Có ngôn ngữ riêng và có chữ viết riêng là công cụ giao tiếp trên mọi lĩnh vực, kinh tế, văn hóa, tình cảm...

+ Có nét tâm lý riêng, kết tinh trong nền văn hóa dân tộc

+ Có chung một nhà nước (Nhà nước dân tộc): chịu sự điều khiển, quản lý của một nhà nước độc lập. (VN là nhà nước của dân, do dân, vì dân)

- **Theo nghĩa hẹp**, dân tộc (tộc người) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Với nghĩa này dân tộc là một bộ phận hay thành phần của một quốc gia. Nét đặc trưng theo nghĩa hẹp:

+ Cộng đồng ngôn ngữ: ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết

+ Cộng đồng văn hóa: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể phản ánh lối sống, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc đó.

+ Ý thức tự giác tộc người: luôn ý thức về nguồn gốc và tộc danh dân tộc mình, khẳng định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người.

- **Hai xu hướng khách quan trong phát triển quan hệ dân tộc:**

+ Cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập → Đi đến sự tự chủ, phồn vinh cho dân tộc mình

Ví dụ: Cuộc vận động hợp nhất giữa Singapore với Liên hiệp bang Malaya để hình thành Malaysia không bền vững khiến Singapore tách khỏi Malaysia trở thành một nước cộng hòa độc lập. Đến nay Singapore đã trở thành một trong những quốc gia thịnh vượng nhất trên thế giới, là con rồng của Châu Á. Hay

+ Các dân tộc trong từng quốc gia thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau → Giúp các dân tộc trong cộng đồng xích lại gần nhau hơn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ví dụ: Việt Nam: là thành viên của WTO (2007), gia nhập ASEAN (1995)

Tham gia Liên Hiệp Quốc (1977), gia nhập Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) (1998),...

- **Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của V.L.Lênin:**

Đó là các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc:

+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng là ở mỗi quốc gia dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực trong quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc, và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế. Các quốc gia dân tộc phải tôn trọng lẫn nhau, không được xâm phạm hay đô hộ các dân tộc khác.

+ Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, có 54 dân tộc và quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và phải được thực hiện trong thực tế, trong đó việc khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.

+ Ngoài ra các dân tộc có quyền sinh hoạt theo cách riêng của mình, sử dụng ngôn ngữ riêng của mình. Trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa bá quyền nước lớn; chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước lạc hậu, chậm phát triển về kinh tế. Mọi quốc gia đều bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

+ Các dân tộc được quyền tự quyết, là quyền làm chủ vận mệnh của mỗi dân tộc: quyền tự quyết định chế độ chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình, bao gồm cả quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, phù hợp với lợi ích chính đáng của các dân tộc. Chẳng hạn Việt Nam, Lào đi theo con đường XNCN.

+ Khi xem xét giải quyết quyền tự quyết của dân tộc, cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân: ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu toan lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai chia rẽ dân tộc.

+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc: Đây là tư tưởng cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của Lênin, thể hiện bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và phản ánh tính thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giai cấp. Có vai trò quyết định đến việc xem xét, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Là sự đoàn kết công nhân các dân tộc trong phạm vi quốc gia và quốc tế, và cả sự đoàn kết quốc tế của các dân tộc, các lực lượng cách mạng dưới sự đạo của giai cấp công nhân để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, giai cấp, quốc tế.

*** Liên hệ Việt Nam:**

- Xu hướng cộng đồng dân cư muốn tách ra hình thành cộng đồng dân tộc:

+ Thể hiện rõ nhất trong phong trào đấu tranh giải phóng, giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa, Việt Nam đấu tranh để thoát khỏi sự áp bức của chủ nghĩa thực dân, Dân tộc Việt Nam bị thực dân pháp, đế quốc, phát xít đến đô hộ, chúng ta ý thức được tinh thần, sự đoàn kết thống nhất lãnh thổ và chủ quyền Việt Nam, chúng ta đã đấu tranh giành lấy độc lập cho dân tộc và giành được độc lập cho đến ngày nay.

+ Chẳng hạn như năm 1960: “Năm Châu Phi” với 17 nước đấu tranh giành được độc lập. Năm 1975: thắng lợi của cách mạng Ănggola và Mozambique đã chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ ở Châu Phi và hệ thống thuộc địa của Bồ Đào Nha tan rã.

- Các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau:

+ Xu hướng này phát huy vai trò và thể hiện rõ nhất trên toàn thế giới trong đại dịch covid 19 đang diễn ra ở Việt Nam, rất nhiều dân tộc trên các quốc gia đã giúp đỡ Việt Nam chống lại đại dịch: Việt Nam đã đón nhận hơn 8 triệu liều vaccine hỗ trợ từ các nước và các đối tác; trong đó có thông qua cơ chế COVAX khoảng 4,5 triệu liều, Hoa Kỳ 2 triệu liều nằm trong cơ chế trên, Nhật Bản 3 triệu liều, Trung Quốc 500.000 liều, Liên bang Nga tặng 1.000 liều. Các đối tác cũng cam kết tiếp tục ủng hộ vaccine cho Việt Nam trong thời gian tới, nổi bật là COVAX phân bổ tiếp hơn 1 triệu liều, Hoa Kỳ hỗ trợ thêm 3 triệu liều thông qua cơ chế COVAX, Rumani tặng hơn 100.000 liều, Australia hỗ trợ 1,5 triệu liều.

+ Ngay khi dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại Trung Quốc, Việt Nam đã tặng Chính phủ, Nhân dân Trung Quốc vật tư, trang thiết bị y tế gồm máy thở, quần áo sát khuẩn, găng tay, khẩu trang y tế với tổng trị giá 500.000 USD.

+ Việt Nam đã tặng hai nước Lào, Campuchia các trang thiết bị y tế gồm quần áo bảo hộ, khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn, hệ thống xét nghiệm cùng bộ xét nghiệm virus Sars-Cov-2, trị giá hơn 7 tỷ đồng cho mỗi nước.

- Để thực hiện tốt bình đẳng dân tộc:

+ Chúng ta cần vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và bổ sung một số quan điểm phù hợp với thực tiễn nước ta, Đảng và Nhà nước có nhiều chương trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như chương trình 134, 135, 30a... Kết cấu hạ tầng miền núi đã có bước phát triển, đời sống của đồng bào ngày càng được bảo đảm tốt hơn.

+ Việc quan tâm quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ người dân tộc thiểu số được các cấp ủy chú ý; số lượng, chất lượng cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia vào hệ thống chính trị các cấp ngày càng tăng. Việt Nam tổ chức nhiều ngày hội văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của các dân tộc đặc trưng cho từng vùng, miền. Chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc được chú trọng hơn, tăng cả số lượng đài và thời lượng phát sóng. Ban hành Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021-2030” tập trung vào các nhiệm vụ duy trì, phát triển và nâng cao vị thế của các dân tộc thiểu số rất ít người.

+ Ngoài ra, Việt Nam cũng nỗ lực đẩy mạnh công tác truyền thông cho tổ chức, cá nhân đặc biệt là người dân tộc thiểu số cư trú ở địa bàn khó khăn để họ biết về quyền được trợ giúp pháp lý của mình.

- Việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết:

+ Là để xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc đang hiện hữu, thực hiện bình đẳng dân tộc. V.I.Lênin lấy ví dụ về trường hợp Na Uy và Thụy Điển “Na Uy tự trị với tư cách là một bộ phận của Thụy Điển, đã được hưởng quyền tự trị rất rộng rãi cho

đến năm 1905, nhưng vẫn không được bình đẳng về quyền lợi với Thụy Điển. Chỉ khi nó tự do phân lập thì nó mới thực tế tỏ rõ và chứng minh là nó được bình đẳng về quyền lợi”.

+ Khi Na Uy vẫn nằm trong Thụy Điển dù đã được hưởng chế độ tự trị thì vẫn chưa được bình đẳng thực sự với Thụy Điển và chỉ khi tách ra trở thành một quốc gia độc lập thì Na Uy mới thực sự bình đẳng về mặt quyền lợi với Thụy Điển.

+ Khi có sự áp bức dân tộc thì phải đấu tranh thực hiện quyền dân tộc tự quyết để bảo đảm bình đẳng dân tộc “Bảo vệ, tuyên truyền, thừa nhận quyền đó tức là bảo vệ quyền dân tộc bình đẳng, bác bỏ những mối liên hệ cưỡng bức, đấu tranh chống mọi đặc quyền về mặt nhà nước của bất cứ dân tộc nào”

+ Đối với Việt Nam, là nước theo con đường XHCN và đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và phù hợp với thể chế Nhà nước pháp quyền XHCN.

- *Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:*

+ Việt Nam chính thức gia nhập Liên hợp quốc (LHQ) ngày 20/9/1977. Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của các nước thành viên Liên hợp quốc để Đại hội đồng LHQ khóa 32 (1977) thông qua Nghị quyết 32/2 kêu gọi các nước, các tổ chức quốc tế viện trợ, giúp đỡ Việt Nam tái thiết sau chiến tranh. Ngoài ra, gia nhập ASEAN (1995) Tham gia Liên Hiệp Quốc (1977) , gia nhập Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) (1998),

+ Việt Nam cũng đã chủ động và tích cực phối hợp với các nước Không Liên kết và đang phát triển để đấu tranh và bảo vệ các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương LHQ như nguyên tắc về bình đẳng chủ quyền, không can thiệp công việc nội bộ các nước, không sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực... đồng thời và bảo vệ lợi ích của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.

Câu 2: Trình bày những quan điểm của Đảng, chính sách của pháp luật nhà nước về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Liên hệ các chính sách đối với vấn đề dân tộc ở VN hiện nay

*** Quan điểm của đảng:**

- *Khái niệm dân tộc:*

+ Theo nghĩa rộng, dân tộc là một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử

lâu dài dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, dân tộc là một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước.

Ví dụ: dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Hoa...

+ Theo nghĩa hẹp, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Với nghĩa này dân tộc là một bộ phận hay thành phần của một quốc gia.

Ví dụ: dân tộc Tày, dân tộc Kinh, dân tộc H-mông...

- Quan điểm cơ bản của Đảng về dân tộc:

+ Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của Cách mạng Việt Nam.

+ Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

+ Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

+ Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

*** Đường lối chính sách của đảng:**

- Đường lối, chính sách về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc là một bộ phận hữu cơ của đường lối, chính sách chung của Đảng, Nhà nước ta, được thể hiện rõ trong “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (bổ sung, phát triển năm 2011), bao gồm những nội dung mang tính tổng hợp, toàn diện, đồng bộ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh,...

- Về kinh tế - xã hội:

- 1- Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi;
- 2- Phát triển kinh tế hàng hóa, phát huy các nguồn lực, tiềm năng kinh tế của miền núi theo hướng chuyên canh, thâm canh; tạo nên các vùng nguyên liệu, nông sản, cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao, sản phẩm dồi dào, đa dạng;
- 3- Đổi mới cơ cấu kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi;
- 4- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, mạng lưới đường giao thông ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế mới, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi;
- 5- Thực hiện có hiệu quả các dự án xóa đói, giảm nghèo cho các xã đặc biệt khó khăn ở vùng sâu, vùng xa;
- 6- Thực hiện chính sách định canh, định cư, từng bước ổn định đời sống, giải quyết cơ bản vấn đề đất sản xuất cho đồng bào các dân tộc thiểu số;
- 7- Hạn chế nạn đốt phá rừng, bảo vệ nguồn động, thực vật quý hiếm, kết hợp với trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái ở miền núi;
- 8- Xây dựng các cơ sở công nghiệp, các công trình kinh tế quan trọng, tạo nên những biến đổi về kinh tế ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi.

- Về chính trị - xã hội:

- 1- Phát huy quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc thiểu số trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tạo mọi điều kiện để đồng bào tham gia công việc quản lý nhà nước, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng ở địa phương, cơ sở;
- 2- Phát huy quyền bình đẳng dân tộc và các quyền dân chủ của đồng bào; tôn trọng quyền làm chủ, tính năng động, sáng tạo của đồng bào;
- 3- Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi trong sạch, vững mạnh;
- 4- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số có phẩm chất chính trị và năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ;
- 5- Tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; giáo dục đồng bào ý thức cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;
- 6- Giữ vững an ninh biên giới và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi; bảo vệ cuộc sống hòa bình, yên ổn cho đồng bào.

- Về văn hóa, xã hội:

- 1- Chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số; tập trung xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư;
- 2- Quan tâm nâng cao dân trí, an sinh xã hội cho đồng bào;
- 3- Giữ gìn,

*** Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi:**

- Từ chủ trương của Đảng về vấn đề dân tộc, xác định rõ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gắn với những vấn đề đổi mới cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất theo hướng chuyển sang sản xuất hàng hóa phù hợp với đặc điểm kinh tế của từng vùng, tiểu vùng, dân tộc; gắn phát triển kinh tế - xã hội với giải quyết vấn đề dân tộc và quốc phòng - an ninh.

- Với mục tiêu thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa các nhóm đồng bào dân tộc thiểu số, phần lớn các chương trình của Nhà nước tập trung vào hỗ trợ sinh kế và tạo cơ hội xóa đói, giảm nghèo liên hệ: Chương trình 143 (Chương trình xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm giai đoạn 2001 - 2005, được phê duyệt theo Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg, ngày 27-9-2001, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình 135 (Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa, được phê duyệt theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31-7-1998, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình 134 (một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg, ngày 20-7-2004, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình phân bổ đất rừng và trồng rừng; các chính sách về giáo dục, y tế,...

- Trong giai đoạn 2011 - 2018, có 205 chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi được ban hành. Tính riêng giai đoạn 2016 - 2018, theo Báo cáo số 426/BC-CP, ngày 4-10-2018, của Chính phủ, “Đánh giá 3 năm thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi”, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 41 chương trình, chính sách, trong đó có 15 chính sách trực tiếp cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng dân tộc thiểu số và 36 chính sách chung có ưu tiên cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Nội dung các chính sách giai đoạn 2016 - 2018 tập trung chủ yếu vào lĩnh vực giảm nghèo; phát triển sản xuất trong nông, lâm nghiệp, thủy sản; phát triển giáo dục - đào tạo, văn hóa, như: Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, phát triển sản xuất và ổn định đời sống cho người dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo vùng đặc biệt khó khăn; ổn định cuộc sống cho người dân tộc thiểu số di cư tự phát; phát triển kinh tế - xã hội cho các dân tộc thiểu số rất ít người; phát triển

nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số; tuyên truyền và phổ biến, giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

- Tính đến tháng 10-2020, có 118 chính sách đang có hiệu lực triển khai thực hiện ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 54 chính sách trực tiếp cho các đồng bào dân tộc thiểu số, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, 64 chính sách chung có ưu tiên cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Ngoài những chính sách tác động trực tiếp đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hiện nay còn 21 chương trình mục tiêu có nội dung gián tiếp tác động đến vùng này.

- Có thể nói, cho đến nay, hệ thống chính sách dân tộc được ban hành khá đầy đủ, bao phủ toàn diện các lĩnh vực, nhằm hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững; phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa; phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Các chương trình đã đem lại những hiệu quả tích cực về đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số nước ta.

- Từ năm 2003 đến năm 2020, Nhà nước đã tập trung bố trí đầu tư, hỗ trợ kinh phí nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, với tổng kinh phí: giai đoạn 2003 - 2008 là khoảng 250.000 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 là 690.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 998.000 tỷ đồng.

- Nguồn lực đầu tư đó được tập trung vào xây dựng hàng vạn công trình kết cấu hạ tầng (đường giao thông, công trình thủy lợi, hệ thống điện, công trình nước sạch, trường học, lớp học, trạm y tế, nhà văn hóa, trung tâm cụm xã...); hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho dân tộc thiểu số rất ít người; hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất... cho hàng trăm nghìn hộ đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Nhờ vậy, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đã có sự phát triển mạnh mẽ hơn, phong phú và đa dạng hơn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt so với trước thời kỳ đổi mới, trên tất cả các phương diện: ăn, ở, mặc, đi lại, học hành, chăm sóc sức khỏe, nghe, nhìn. Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm trung bình 3,5%/năm.

- Tuy nhiên, so với sự phát triển của đất nước nói chung, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn là vùng chậm phát triển nhất. Điều đó cho thấy, việc hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta vẫn còn những khó khăn, bất cập. Các nguyên nhân khách quan và chủ quan là: Một số chính sách thiếu tính cụ thể, khả thi, chưa phù hợp với thực tiễn. Bộ máy tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ, đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu.

- Thực tế cho thấy, trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đồng đều nhau. Ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có nhiều khó khăn trong việc tiếp nhận và ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ nên đã bỏ lỡ nhiều cơ hội để vươn lên, chưa sử dụng hiệu quả vốn đầu tư. Chính sách dân tộc hiện nay vẫn chủ yếu là các chính sách hỗ trợ trực tiếp, chưa có nhiều chính sách đầu tư, hỗ trợ có điều kiện, với mục đích cung cấp kỹ năng, tự tạo sinh kế bền vững cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Bởi vậy, trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều người vẫn còn mang tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, không muốn vươn lên để thoát nghèo.

Câu 3: Phân tích làm rõ quan điểm của CNMLN về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN. Liên hệ vấn đề tôn giáo ở VN

*** Làm rõ quan điểm của CN Mác-Lênin về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong CN XHCN.**

1. Định nghĩa tôn giáo: Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trên trần thế cũng như ở thế giới bên kia. Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, tùy thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý – văn hóa khác nhau, phụ thuộc vào nội dung từng tôn giáo, được vận hành bằng những nghi lễ, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau.

2. Bản chất, nguồn gốc của tôn giáo:

- Thứ nhất: Bản chất của tôn giáo

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí... Ph.Ăngghen cho rằng: "... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế "

+ Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định. Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau như: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên; tín ngưỡng Thờ anh hùng dân tộc; tín ngưỡng Thờ Mẫu...

+ Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào. Nói cách khác là niềm tin về mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, sự vật, hiện tượng, nhưng thực tế không có mối liên hệ cụ thể, rõ ràng, khách quan, tất yếu, nhưng được bao phủ bởi các yếu tố siêu nhiên, thần thánh, hư ảo. Dự đoán là sự suy đoán, hành động một cách tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống. Mê tín dự đoán là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

- Thứ hai: Nguồn gốc của tôn giáo

+ Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội:

Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh quyền lực thần bí.

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hoá giai cấp và áp bức bóc lột bất công, tội ác v.v..., cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

+ Nguồn gốc nhận thức:

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết” vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hoá, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

+ Nguồn gốc tâm lý:

Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn (ví dụ: ma chay, cưới xin, làm nhà, khởi đầu sự nghiệp kinh doanh...), con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công

với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hùng dân tộc, thờ các thành hoàng làng...).

3. Giải quyết vấn đề tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội, cần phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản sau:

Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại, tuy đã có sự biến đổi trên nhiều mặt. Vì vậy, khi giải quyết vấn đề tôn giáo cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân:

+ Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đáng tối cao, đáng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân.

Quyền này nói lên rằng việc theo đạo, đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào, kể cả các chức sắc tôn giáo, tổ chức giáo hội... được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này.

+ Mọi hành vi cấm đoán, ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc người dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ. Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các phương tiện phục vụ nhằm thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá

trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới:

+ Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo.

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học... cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu

dài, và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo:

+ Trong xã hội công xã nguyên thủy, tín ngưỡng, tôn giáo chỉ biểu hiện thuần túy về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp - chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Từ đó, hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

+ Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động.

+ Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo. Sự phân biệt này, trong thực tế không đơn giản, bởi lẽ trong đời sống xã hội, hiện tượng nhiều khi phản ánh sai lệch bản chất, mà vấn đề chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen vào nhau.

+ Mặt khác, trong xã hội có đối kháng giai cấp, tôn giáo thường bị yếu tố chính trị chi phối rất sâu sắc, nên khó nhận biết vấn đề chính trị hay tư tưởng thuần túy trong tôn giáo. Việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

*** Liên hệ vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay?**

Mỗi năm ở Việt Nam có khoảng 8.500 lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng được tổ chức. Trong hàng giáo phẩm của các tôn giáo hiện nay, rất nhiều vị được Nhà nước tạo điều kiện để đi đào tạo, bồi dưỡng ở các nước trên thế giới. Nhiều lễ hội tôn giáo lớn ở Việt Nam đã được tổ chức như Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc vào các năm 2008, 2014; Lễ Bế mạc Năm Thánh 2011 của Giáo hội Công giáo Việt Nam được tổ chức long trọng tại giáo xứ La Vang, tỉnh Quảng Trị; Đại lễ kỷ niệm 72 năm khai sáng đạo Phật giáo Hòa hảo; Đại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo

Việt Nam và đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh; Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới vào năm 2010 v.v...

Kể từ năm 2011, Vatican đã cử đại diện không thường trú tại Việt Nam và đặc phái viên không thường trú này đã thực hiện nhiều chuyến thăm tới hầu hết các tỉnh thành ở Việt Nam. Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Lấy mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung.

Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền, nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác đối ngoại tôn giáo và đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo trong tình hình hiện nay, cần chủ động và tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, các tỉnh, thành trong việc đối thoại và xử lý những vấn đề tôn giáo nhạy cảm đang được các thế lực thù địch lợi dụng chiến lược “diễn biến hòa bình” để xuyên tạc tình hình tôn giáo và chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, gây sức ép với Nhà nước về tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền.

Thực hiện tốt hơn công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, tạo điều kiện giúp đỡ Đại hội, Hội nghị thường niên của các tổ chức tôn giáo, xem xét cho đăng ký hoạt động một số tổ chức tôn giáo theo quy định của pháp luật. Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật và mọi hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để kích động, chia rẽ tôn giáo, dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia; góp phần đảm bảo an ninh chính trị ở địa phương, quốc gia.

Câu 4: Trình bày những quan điểm của Đảng, chính sách của pháp luật nhà nước về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Liên hệ các chính sách đối với vấn đề tôn giáo ở VN

*** Khái quát về tôn giáo?**

Tôn giáo là 1 hiện tượng xã hội văn hóa do con người sáng tạo ra. Tôn giáo là hình thái ý thức xã hội, phản ánh hư ảo thực tại xã hội bằng những lực lượng siêu tự nhiên, về hình thức biểu hiện, tôn giáo bao gồm hệ thống các quan niệm tín ngưỡng (giáo lý), các quy định về hình thức lễ nghi (giáo luật) và những cơ sở vật chất để thực hiện các nghi lễ tôn giáo.

1. Quan điểm :

- **Một là:** + Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận Nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

+ Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật (quan điểm này khẳng định đồng bào có đạo đi theo CNXH, dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN vẫn yên tâm giữ đạo, xây dựng CNXH không đồng nghĩa với việc xóa đạo)

- **Hai là:** + Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do Tín ngưỡng, tôn giáo (các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, đoàn kết đồng bào các tôn giáo khác nhau và đồng bào không theo tôn giáo).

+ Phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do Tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời nghiêm cấm lợi dụng Tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động gây chia rẽ Nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia

- **Ba là:** + Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, xuất phát từ 03 cơ sở sau: Mỗi quan hệ gắn bó bền chặt của Đảng, Nhà nước với Nhân dân nói chung và đồng bào có đạo nói riêng là mối quan hệ đặc biệt, như cây với cội, như nước với nguồn, Nhân dân là nguồn sức mạnh là chỗ dựa vững chắc của Đảng, Nhà nước.

+ Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Chấp nhận những điểm dị biệt của nhau để hướng tới cùng nhau xây dựng CNXH ở nước ta.

+ Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia (tạo sự đồng thuận xã hội tạo nên sức mạnh của toàn dân vào sự nghiệp chung).

- **Bốn là:** Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Nước ta có hàng triệu tín đồ, chức sắc nhà tu hành của các tôn giáo phân bố ở mọi vùng miền, địa phương của cả nước vì vậy công tác tôn giáo liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, MTTQ và các đoàn thể vận động....

- **Năm là:** Vấn đề theo đạo và truyền đạo

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp được hoạt động tôn giáo

theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo hộ. Việc truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo.

2. Chính sách pháp luật của nhà nước về tôn giáo:

- Sau khi có các quan điểm, đường lối, Nghị quyết về công tác tôn giáo của Đảng, Nhà nước đã thể chế hóa trong các quy định của pháp luật. Trước hết phải kể đến Điều 70 chương V Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã khẳng định “công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

- Những nơi thờ tự của các Tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”. Cùng với việc khẳng định trong Hiến pháp, Chính phủ đã ban hành

3. Giải pháp:

- Phát huy sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, trong đó đồng bào có đạo là một bộ phận không thể thiếu. Quan tâm giải quyết nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân.

Khuyến khích phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo.

- Ngăn chặn, làm thất bại những luận điệu sai trái, gây chia rẽ, mất đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch.

- Các cấp chính quyền thông qua chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước cần tuyên truyền cho đồng bào có đạo hiểu, tuân thủ pháp luật. Quan tâm bảo đảm lợi ích của đồng bào tôn giáo được đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng lành mạnh, chính đáng của họ.

- Khuyến khích phát huy những giá trị tốt đẹp của tôn giáo trong công cuộc xây dựng đất nước, đặc biệt là giá trị nhân văn, hướng thiện của tôn giáo. Động viên tín đồ, chức sắc tôn giáo phát huy những mặt tích cực, giá trị văn hóa của tôn giáo, phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào tôn giáo.

- Phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên, những người có công với Tổ quốc và nhân dân, đây cũng chính là đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta. Định hướng cho các tôn giáo, tín ngưỡng đoàn kết, gắn bó với nhau đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần, tâm lý, tâm linh của người dân.

- Nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động trái pháp luật, gây chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo và tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với tình hình mới của đất nước.

4. Liên hệ:

- Tôn giáo tại Việt Nam khá đa dạng, gồm có Phật giáo (cả Đại thừa, Tiểu thừa và một số tông phái cải biên như Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tịnh độ cư sĩ Phật hội), Kitô giáo (gồm Công giáo và Tin Lành), tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài, và một số tôn giáo khác (Ấn Độ giáo và Hồi giáo). Các loại hình tín ngưỡng dân gian cũng có nhiều ảnh hưởng tại Việt Nam.

- Một lượng đáng kể người dân tự xem mình là người không tôn giáo, hoặc ít ra là trên giấy tờ thể hiện như vậy, mặc dù họ có đi đến các địa điểm tôn giáo vào một vài dịp trong năm. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cũng có chỗ đứng rất quan trọng trong tâm tưởng của đa phần người dân Việt Nam, được thực hành bởi đa số dân cư dù họ có theo tôn giáo nào hay không.

- Theo số liệu cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019 thì cả nước có hơn 13,162 triệu người xác nhận theo một trong những tôn giáo được đăng ký chính thức. Năm tôn giáo lớn nhất là Công giáo, Phật giáo, Hòa Hảo, Tin Lành, và Cao Đài; các tôn giáo khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Ban Tôn giáo Chính phủ là cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về công tác tôn giáo, tín ngưỡng.

- Chẳng hạn như ở huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên nơi có đa số người H'Mông theo đạo Tin lành, chỉ trong 4 năm trở lại đây, đã có 70 điểm nhóm Tin lành được cấp đăng ký sinh hoạt, còn 16 điểm chưa được cấp đăng ký. Ông Giảng Hồng Sinh (dân tộc H'Mông, bản Sima 2, xã Chung Chải) phụ trách truyền đạo của điểm nhóm Tin lành tại huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên cho biết: "Bốn năm nay khác nhiều so với 6 năm trước. Sinh hoạt tôn giáo được tạo điều kiện, bà con có cơ sở để tập trung. Trước đây, khi chưa đăng ký thì giáo dân chủ yếu sinh hoạt tại gia. Chúng tôi có giáo lý, giáo luật, hiến chương nên được Nhà nước cấp phép sinh hoạt, được tự do truyền đạo cho giáo dân". Cũng theo lời ông Giảng Hồng Sinh, cứ vào mỗi buổi chủ nhật sinh hoạt định kỳ, tại căn nhà gỗ khang trang rộng rãi, bà con cùng nhau trao đổi cách làm ăn kinh tế như trồng cây ăn quả, nuôi trâu bò và cả những biện pháp giữ gìn vệ sinh giữa tình hình dịch bệnh COVID-19; cùng nhau vui vẻ hát Thánh ca, nghe giảng về lòng kính Chúa, yêu nước, yêu thương con người, tuân thủ pháp

CHƯƠNG 7

Câu 1: Làm mẹ đơn thân, nên hay không?

* **Khái niệm:** Mẹ đơn thân hay còn được gọi với cái tên khác đó là “Single mom”, cụm từ này nhằm ám chỉ những người mẹ một mình nuôi con. Có rất nhiều hoàn cảnh chủ quan hoặc khách quan có thể khiến người phụ nữ trở thành người mẹ đơn thân. Ngoài ra thì mẹ đơn thân không phải là một phong trào của giới trẻ. Mà là những người phụ nữ buộc phải lựa chọn cách sống một mình để nuôi con .

* **Nội dung:** Hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường , khoa học công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa...khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng- gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỉ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, bạo hành gia đình, xâm hại tình dục,...

=>Giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú,....

* **Thực trạng:**

- Từ đầu thế kỉ XXI, số lượng những bà mẹ đơn thân là phụ nữ độc thân ở Việt Nam tăng vọt:

+ Kết quả cuộc điều tra gia đình Việt Nam năm 2006 do Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Tổng cục thống kê, UNICEF và Viện Gia đình và Giới tiến hành cho biết tỉ lệ độc thân chiếm khoảng 2,5% dân số Việt Nam, trong đó chủ yếu là nữ giới với tỷ lệ 87,6% tổng số người độc thân. Trong số đó, không ít phụ nữ lựa chọn trở thành mẹ đơn thân.

+ Theo nghiên cứu năm 2007, cũng đã có hơn 2 triệu phụ nữ Việt Nam tuổi trưởng thành chọn lối sống độc thân, trong đó 34 chấp nhận nuôi con một mình.

+ Tất cả số liệu đều cho thấy các đối tượng này chủ yếu ở những vùng phát triển về văn hoá – kinh tế (thường là ở các thành phố lớn), đa số là những phụ nữ có trình độ tri thức, mức thu nhập cao.

+ Điều đáng nói hơn chính là độ tuổi của những đối tượng này ngày một “trẻ hoá”, và trong 3 năm trở lại đây đã trở thành một trào lưu hấp dẫn đối với giới trẻ Việt Nam.

+ Rất nhiều bạn trẻ không kết hôn mà trở thành mẹ đơn thân bằng nhiều con đường như: mang thai ngoài ý muốn phải nuôi con một mình, chủ động mang thai mà không kết hôn với đối tượng quan hệ, thậm chí có trường hợp thụ tinh nhân tạo để mang thai và sinh con, nuôi con một mình. Những bà mẹ đơn thân trẻ này có

người lao đao khổ sở, cũng có người rất thành công trong cuộc sống, đặc biệt là các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

+ Bên cạnh những đối tượng đã trở thành mẹ đơn thân, đông đảo giới trẻ cũng ủng hộ trào lưu này, đứng trước quyết định sẽ trở thành mẹ đơn thân.

*** Nguyên nhân:**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Sự hình thành gia đình đơn thân mang nhiều nguyên nhân khách quan từ xã hội. Sự thay đổi của gia đình vốn dĩ gắn liền với sự thay đổi vĩ mô của xã hội. Theo thời gian, xã hội mới sẽ luôn phát triển và tiến bộ hơn xã hội cũ. Do đó mà mối quan hệ trong gia đình sẽ ngày càng bình đẳng và dân chủ hơn. Người phụ nữ sẽ được học hành, có quyền thể hiện giá trị của mình, quyền lợi của mình và có khả năng kiếm ra tiền như nam giới nên ngày càng có tiếng nói trong gia đình. Bên cạnh đó, những tư tưởng gia trưởng dần dần không tồn tại nữa, thay vào đó là sự bình đẳng, dân chủ trong gia đình. Những yếu tố khách quan ấy đã góp phần thay đổi nhận thức hay tư duy của các thành viên trong xã hội về mọi khía cạnh của đời sống, về tình yêu, hôn nhân, ... một trong những kết quả của sự thay đổi ấy là sự lựa chọn hướng đi cho gia đình của các cá nhân ấy, là những “gia đình đơn thân”.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Với khả năng kinh tế độc lập, thu nhập ở mức cao, nhiều phụ nữ trẻ cảm thấy không cần dựa vào người đàn ông vẫn có thể nuôi con nên quyết định trở thành mẹ đơn thân. Đời sống tình cảm cá nhân không suôn sẻ cũng được xem là nguyên nhân dẫn đến trào lưu làm mẹ đơn thân của giới trẻ Việt Nam.

+ Nguyên nhân bị động gặp cả ở nhóm gia đình chỉ có mẹ và con và nhóm gia đình chỉ có bố và con. Ở nhóm gia đình chỉ có bố và con, đa phần là những người phụ nữ buộc phải chịu cảnh đơn thân do hoàn cảnh mang lại (ly hôn hoặc chồng mất).

+ Do đổ vỡ hạnh phúc gia đình có thể do bạo lực gia đình hoặc vợ chồng bất đồng quan điểm khiến con cái theo cha hoặc theo mẹ cũng tạo ra một gia đình đơn thân.

*** Giải pháp:**

- Nên đưa môn học giáo dục giới tính đến gần hơn với học sinh, cần cho các bạn trẻ hiểu rõ hơn về tình yêu và tình dục

- Tuyên truyền cho mọi người biết tầm quan trọng của biện các biện pháp tránh thai

- Bảo vệ trẻ em nữ tránh khỏi các vấn nạn xâm hại tình dục, bạo lực gia đình

- Định hướng cho người trẻ trước trào lưu làm mẹ đơn thân

- Định hướng cho đối tượng đang phân vân trước quyết định trở thành mẹ đơn thân , trau dồi kiến thức, củng cố khả năng kinh tế
 - Giúp đỡ, tôn trọng các bà mẹ đơn thân vì so với những người có chồng bên cạnh họ phải chịu áp lực hơn nhiều
 - Nếu đã trót trở thành mẹ đơn thân , bạn trẻ không nên chủ quan và cũng đừng nên hoang mang . Hãy tìm đến sự trợ giúp của người lớn vì họ sẽ cho bạn lời khuyên hữu ích, đừng vội phá bỏ đứa trẻ
 - Tìm hiểu kiến thức để đảm bảo bạn có thai kì khoẻ mạnh , sinh con an toàn , nuôi dạy con thật khoa học , Bạn sẽ phải cố gắng gấp đôi , nỗ lực gấp đôi những bà mẹ bình thường để đảm bảo nuôi dạy con trong điều kiện tốt nhất có thể . Nếu cần thiết có thể tìm đến sự hỗ trợ của người thân hoặc các tổ chức xã hội chuyên chức năng để đảm bảo bạn và con bạn được hưởng những quyền lợi xứng đáng về giáo dục , y tế , pháp luật
 - Nếu cha đứa bé là một người tốt , hãy cố gắng cùng anh ấy nuôi dạy con để đảm bảo con bạn được trưởng thành bình thường và phát triển toàn diện . Trong trường hợp bất đắc dĩ không thể cùng anh ta nuôi dạy con , hãy cố gắng dành cho con bạn thật nhiều tình thương và sự quan tâm . Nếu có thể hay giải thích cho con hiểu , chia sẻ và tìm sự đồng cảm từ con để giúp con có tâm lý ổn định. Mặc dù vấn đề cha dượng cũng là một vấn đề còn nhiều điều phải bàn luận , nhưng nếu có thể hãy tìm một người đàn ông đủ tốt để cùng bạn xây dựng gia đình và nuôi dạy con . Con bạn cần một người cha để trưởng thành bình thường và phát triển toàn diện , bạn cũng cần một người chồng để cùng nhau chia sẻ hạnh phúc lẫn khó khăn .
- => Từ những mặt tích cực và hạn chế đã trình bày ở trên , các bạn trẻ nên suy nghĩ kĩ trước khi quyết định trở thành mẹ đơn thân . Làm mẹ đơn thân có thể là một giải pháp , nhưng hãy chọn nó khi thật sự không còn giải pháp nào tốt hơn . Bởi vì mỗi đứa trẻ là một sinh mạng, chúng xứng đáng được có mặt trên đời và được yêu thương, nếu bạn có đủ tình yêu thương và đủ khả năng để lo cho đứa trẻ thì làm mẹ đơn thân không hề xấu. Đặc biệt đừng trở thành mẹ đơn thân chỉ để thoả mãn cái tôi hay chạy theo trào lưu . Tình yêu chân chính và người đàn ông tốt vẫn luôn tồn tại , chỉ cần bạn đủ niềm tin và kiên nhẫn tìm ra . Vì hạnh phúc tương lai của bạn , và hơn hết là vì tương lai con bạn , hãy xây dựng một gia đình hoàn chỉnh có cả ba lần mẹ để đảm bảo con trẻ được trưởng thành bình thường và phát triển toàn diện .

Câu 2: Bạo lực gia đình hiện nay? Thực trạng và giải pháp?

- Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân và huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng

cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. Và đặc biệt gia đình có vị trí rất quan trọng trong xã hội được ví như tế bào của xã hội, nơi tổ ấm mang lại giá trị hạnh phúc và là cầu nối giữa các nhân và gia đình.

- Trong cuộc sống hiện nay hầu hết chúng ta đều cùng nhau chung tay xây dựng xã hội văn minh và gia đình hạnh phúc nhưng bên cạnh đó cũng xuất hiện không ít những vấn nạn chẳng hạn như bạo lực gia đình. Tình trạng này vẫn còn tồn tại ngấm trong xã hội một cách phức tạp và được diễn ra dưới nhiều hình thức.

- Bạo lực gia đình là một dạng thức của bạo lực xã hội, là: “hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”

+ **Bạo lực giữa vợ chồng với nhau:** bạo lực giữa người chồng đối với người vợ trong gia đình có thể thấy là dạng bạo lực phổ biến nhất. Ngoài ra hiện tượng người vợ sử dụng bạo lực đối với chồng thường biểu hiện ở những lời lẽ chửi bới, những cách ứng xử thô bạo, thậm chí đánh đập chồng, quản lý thời gian và tiền bạc quá chặt chẽ, cấm vận về tình dục với chồng... gây ra những tổn thương về thể chất hoặc tính mạng của người chồng.

+ **Bạo lực giữa cha mẹ và con cái:** xuất phát từ cái quan niệm gọi là “Yêu cho roi cho vọt – Ghét cho ngọt cho ngào” cần phải nghiêm khắc với con. Bạo lực gia đình từ người con đối với cha mẹ, đây là hành vi bất hiếu, đi ngược lại đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Bạo lực giữa các thành viên khác trong gia đình: anh em, chú cháu đánh nhau vì xích mích, mâu thuẫn trong cuộc sống, vì tranh chấp tài sản, chị em mắng chửi, nói xấu nhau....

- Mỗi hành vi bạo lực gia đình trực tiếp hay gián tiếp đều tác động và ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình và trật tự xã hội. Gây tổn thương nhất định về mặt tinh thần và cả về thân thể thậm chí là tử vong, dẫn đến vợ chồng ly thân gây đổ vỡ hôn nhân gia đình, tạo cho xã hội nhiều vấn đề bất cập...

- **Nguyên nhân dẫn đến bạo lực có rất rất nhiều chẳng hạn như:** nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình do các tệ nạn xã hội mà người chồng hoặc vợ mắc phải, như nghiện rượu, sa vào cờ bạc, kinh tế khó khăn, người chồng có tính gia trưởng, mất vị trí trụ cột trong gia đình, con cái vi phạm pháp luật. Nguyên nhân sâu xa hơn như sự thiếu hiểu biết pháp luật của cả vợ chồng và các con, do trình độ học vấn thấp. Do không hiểu biết pháp luật, thiếu hiểu biết về bình đẳng giới, mang nặng tư tưởng về định kiến giới, tất yếu dẫn đến bạo lực gia đình. Việc thực thi pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình hiệu quả chưa cao. Hiện nay hình phạt còn quá nhẹ, không tương xứng với hậu quả mà nó gây ra, tính phòng ngừa răn đe còn hết sức hạn chế.

- **Để giải quyết vấn nạn về bạo lực gia đình chúng ta cần đưa ra nhiều giải pháp khắc phục:**

+ ***Thứ nhất về các tổ chức xã hội:*** tăng cường hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới nhằm nâng cao nhận thức tiến tới chuyển đổi hành vi của các tầng lớp nhân dân về bạo lực gia đình; Ngăn chặn kịp thời và bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân của bạo lực gia đình; cần trang bị cho nạn nhân sự hiểu biết để tự bảo vệ như: có nghề nghiệp, sự độc lập về tài chính, trình độ học vấn, ý thức vươn lên làm chủ bản thân và gia đình, kiến thức giữ gìn hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái...; đẩy mạnh thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh; cần quan tâm xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá trong đó đưa tiêu chí không có bạo lực gia đình, không lạm dụng rượu bia, không có tệ nạn cờ bạc, ma túy để công nhận gia đình văn hóa; thực hiện việc lồng ghép chương trình phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới trong chương trình kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các cấp, các ngành. Xây dựng các thiết chế gia đình bền vững để phòng tránh bạo lực gia đình, đồng thời phải tăng cường vai trò Lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, phối

hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới.

+ **Thứ hai đối với các nạn nhân:** cần trang bị cho bản thân một số kỹ năng phòng tránh như: Nhận biết các dấu hiệu mình sắp bị bạo hành, thừa nhận đối tượng-người gây bạo lực. Lưu trong danh bạ một vài số điện thoại khẩn cấp của cán bộ trong khu phố, Công an địa phương, số 113 để liên hệ khi có bạo lực nghiêm trọng. Ghi nhận lại bằng chứng: ghi nhận lại tất cả bằng chứng - ngày, giờ diễn ra bạo hành để làm căn cứ nếu có kiện tụng trước tòa.

- Việc phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ người phụ nữ không phải là chuyện một sớm một chiều có thể giải quyết ngay được. Điều tiên quyết là phải nâng cao dân trí, tích cực tuyên truyền đi đôi với việc thực hiện bình đẳng giới, thi hành luật và các chế tài nghiêm minh của cả xã hội vào cuộc mới mang lại hiệu quả thiết thực nhằm xây dựng xã hội văn minh tiến bộ, gia đình hạnh phúc.

Câu 3: Quan điểm của mình về sống thử trước hôn nhân?

- Vấn đề “sống thử trước hôn nhân” được xem như một hiện tượng trong xã hội, các cặp đôi nam nữ về sống chung một nhà như vợ chồng mà không tổ chức hôn lễ cũng như kết hôn.

- Theo như pháp luật thì việc nam nữ chưa đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng không bị coi là vi phạm pháp luật và không bị phạt hành chính hay xử lý hình sự, nam chưa vợ nữ chưa chồng sống với nhau một cách tự nguyện thì không gặp phải vấn đề gì. Pháp luật chỉ quy định những người nào đang có vợ, có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ thì tùy theo trường hợp có thể bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 147 Bộ luật Hình sự về tội Vi phạm chế độ một vợ, một chồng.

- Sống thử không trái với quy định của pháp luật nhưng không đồng nghĩa nó đúng với đạo đức thuần phong mỹ tục của nước ta. Thời đại có văn minh đến đâu thì việc sống thử chưa bao giờ được xã hội, người lớn chấp nhận dù là nguyên nhân gì đi nữa. Điển hình là khi một bà mẹ chọn dâu nếu phát hiện cô gái đã từng có một thời gian sống thử trước hôn nhân chắc chắn sẽ phản đối, dù cho người sống thử với cô là con trai bà. Trong suy nghĩ của những bà mẹ, một cô gái sống thử là người phóng túng, hư hỏng, dù có kết hôn rồi thì khi gặp người đàn ông khác cũng khó mà giữ được mình. Vấn đề cãi vã khi sống chung chắc chắn sẽ xảy ra, khi đó chẳng ai muốn nhìn thấy đối phương và thường sẽ bỏ đi, nhưng biết đi về đâu. Một mối hơn là khi chia tay, món này tôi mua, món kia anh mua, món này chúng ta mua, biết chia như thế nào, rồi ai sẽ là người ở lại, ai là kẻ ra đi, tiền thuê nhà sau đó cũng sẽ trở thành gánh nặng.

- Sống thử là sự tự nguyện của cả hai mà không được pháp luật hay xã hội thừa nhận, chính vì vậy họ không chịu bất cứ sự ràng buộc hôn nhân hay nghĩa vụ gia đình nào theo quy định luật hôn nhân, điều này dẫn đến nhiều hệ lụy khi các cặp đôi xuất hiện bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt. Đặc biệt khi xảy ra những chuyện ngoài ý muốn như có thai hoặc kết thúc việc sống thử và phân chia tài sản chung của hai người cũng gây ra nhiều rắc rối và tranh cãi.

- Bản thân là một sinh viên càng không nên sống thử mà cần phải tỉnh táo nhìn nhận vấn đề, đủ hiểu biết mình đang làm gì và những hành động đó mang lại hậu quả gì và hậu quả đó sẽ nghiêm trọng đến thế nào.

Câu 4: Vai trò của giáo dục gd? Thực trạng và giải pháp?

Câu 5: Sv có vai trò ntn để XD gd tiến bộ và hạnh phúc?

- Gia đình là tập hợp những người quen thuộc, thân thương gần gũi với chúng ta, gia đình chính là một cách thức tổ chức sống nhỏ nhất trong xã hội, trong gia đình có mối liên kết với nhau từ quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng.

- Gia đình là nơi chúng ta được sinh ra và lớn lên trong vòng tay yêu thương của người thân. Bất kỳ ai cũng đều mong muốn gia đình mình luôn được ấm no, hạnh phúc. Mỗi người sẽ có tiêu chí xây dựng gia đình hạnh phúc riêng nhưng nhìn chung đều bao gồm các yếu tố như: Tài chính vững mạnh, có sự chia sẻ, cảm thông, tôn trọng...Làm tròn trách nhiệm của bản thân.Mỗi thành viên trong gia đình đều

có nghĩa vụ và trách nhiệm riêng. Với các con phải có nghĩa vụ đi học, ngoan ngoãn, hiếu thảo với ông bà, bố mẹ. Vợ và chồng cùng nhau làm việc, chăm sóc, nuôi dạy con cái, báo hiếu cha mẹ.Chúng ta cần có những trách nhiệm để xây dựng tiến bộ và gia đình.

- Gia đình là chiếc nôi để hình thành, giáo dục, nuôi dưỡng nhân cách. Gia đình là tổ ấm của mỗi người, là nơi chúng ta được yêu thương và chia sẻ tình yêu thương, có vai trò quan trọng, từ định hướng, nuôi dưỡng nhân cách cũng như giáo dục con người từ khi sinh ra đến lúc trưởng thành, trở thành những công dân có ích đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của xã hội.

- Gia đình là nguồn động lực lớn lao, giúp chúng ta vững bước trên con đường đời, là chỗ dựa vững chắc giúp ta thêm sức mạnh vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Sức mạnh to lớn của tình cảm gia đình ấy sẽ chấp cho ta đôi cánh vươn đến những ước mơ, khát vọng lớn lao.

- Gia đình là chỗ dựa vật chất và tinh thần vững chắc của mọi thành viên, gia đình là nơi chúng ta tìm kiếm sự an ủi, chở che từ người lớn mỗi khi chúng ta gặp khó khăn trong cuộc sống, từ những tình cảm từ gia đình giúp chúng ta có thể vững tin hơn và cố gắng cho những ước mơ, hoài bão của mình.

- Chúng ta cần phải:

+ ***Quan tâm và chia sẻ:*** Sự quan tâm chia sẻ tạo nên sự kết nối bền chặt giữa các thành viên trong gia đình. Với cuộc sống bận rộn như hiện nay, việc dành nhiều thời gian để cùng nhau trò chuyện là điều hiếm hoi với nhiều gia đình. Cha mẹ thường mải mê với công việc mà chưa dành thời gian quan tâm đến các con. Điều đó dễ dẫn đến việc các bé dễ bị tủi thân, cô đơn, lạc lõng... Vì vậy, hãy sắp xếp công việc để dành thời gian nhiều hơn nói chuyện, tâm sự với các thành viên trong gia đình để mọi người đều cảm được quan tâm, được chia sẻ khi trở về nhà. những bữa ăn tối, những buổi đi thể dục cùng nhau hay một chuyến du lịch gia đình... sẽ giúp mọi người thêm hiểu và yêu thương nhau nhiều hơn.

+ ***Làm tròn trách nhiệm của bản thân:*** Mỗi thành viên trong gia đình đều có nghĩa vụ và trách nhiệm riêng. Với các con phải có nghĩa vụ đi học, ngoan ngoãn, hiếu thảo với ông bà, bố mẹ. Vợ và chồng cùng nhau làm việc, chăm sóc, nuôi dạy

con cái, báo hiếu cha mẹ. Nếu mỗi thành viên trong gia đình đều làm tốt trách nhiệm của mình thì những người còn lại mới có thể yên tâm để phát triển những việc khác. Hãy nghĩ đơn giản như việc con cái ngoan ngoãn, học giỏi thì cha mẹ mới toàn tâm toàn ý phát triển sự nghiệp để mang lại cho con một cuộc sống đầy đủ hơn. Ngoài ra, mỗi thành viên trong gia đình đều phải biết cách tự chăm sóc bản thân. Khi làm được điều đó, bạn sẽ biết cách trân trọng những giá trị của mình, tự tin, yêu đời hơn và lan tỏa niềm hạnh phúc đến những người xung quanh. Hãy dành thời gian nhiều hơn để quan tâm đến sức khỏe, tinh thần của mình bằng cách tích cực tham gia các hoạt động xã hội, làm đẹp, tập thể dục... Chỉ khi nào bạn yêu thương, trân trọng chính mình thì bạn mới nhận được sự trân trọng của người khác.

+ **Tôn trọng lẫn nhau:** Trong gia đình thì ai cũng cần được tôn trọng, cả trẻ nhỏ cũng vậy. Sự thiếu tôn trọng trong suy nghĩ sẽ gây ra những lời nói, hành động làm tổn thương người khác. Mà lời nói là thứ có tính sát thương rất lớn. Vết thương về thể xác có thể được chữa khỏi nhưng những gì đã nói ra có lẽ cả đời vẫn chưa quên được. Nhiều gia đình có tư tưởng “trọng nam khinh nữ” nên vai trò của người đàn ông trong gia đình được đánh giá cao còn phụ nữ thì không có tiếng nói. Điều này rất dễ dẫn đến sự thiếu tôn trọng của người chồng đối với người vợ. Dù trình độ dân trí ngày càng được cải thiện, tuy nhiên tư tưởng này chưa được xóa bỏ hoàn toàn, nó vẫn còn len lỏi trong suy nghĩ của nhiều người. Hay trong mối quan hệ của cha mẹ với con cái, nhiều bậc cha mẹ luôn bắt ép con phải làm theo những gì mình đã sắp xếp không cần biết con có thích hay không. Với suy nghĩ “con không biết gì” cha mẹ có quyền quyết định cả tương lai của con từ trường học, việc làm đến cả chuyện hôn nhân dẫn đến việc con cái lúc nào cũng cảm thấy bất mãn. Trong một gia đình mà không có sự tôn trọng của các thành viên dành cho nhau thì gia đình có hạnh phúc trọn vẹn được không?

+ **Tài chính vững mạnh:** Để xây dựng cuộc sống hạnh phúc, tài chính đóng góp vai trò không nhỏ. Nếu tài chính vững mạnh, các thành viên trong gia đình sẽ có điều kiện chăm sóc sức khỏe thường xuyên, được học tập và phát triển bản thân ở những môi trường tốt nhất... Chính những điều đó làm nên hạnh phúc cho từng thành viên trong gia đình, chỉ cần thêm một vài gia vị yêu thương, kết nối giữa mọi người thì chắc chắn gia đình sẽ hạnh phúc bền lâu.

+ **Đừng đổ bọc dục, lo lắng lên người bạn đời:** Cuộc sống hiện đại khiến chúng ta chỉ chú ý tới việc kiếm nhiều tiền, xây dựng sự nghiệp vững chắc, sống sao cho sung túc, mà quên đi cách cư xử khôn ngoan, kiên nhẫn và quên đi cách cảm thông với nhau. Trong công việc, cuộc sống hàng ngày, có rất nhiều điều khiến chúng ta không hài lòng, khiến chúng ta bọc dục, lo lắng. Nhưng đừng vì vậy mà đổ những

bực dọc, lo lắng ấy lên người bạn đời của mình. Hãy hiểu rằng mỗi người đều có những lo lắng, nỗi niềm riêng. Người vợ dù ở nhà nội trợ hay đi làm công việc nhẹ nhàng hơn chồng nhưng không có nghĩa là họ sẽ không có những ám ức, lo lắng riêng. Và họ cũng cần có một chỗ dựa, một điểm tựa tinh thần. Hãy để gia đình là một nơi chốn yên bình, dịu dàng để mỗi người lấy lại niềm tin, quyết tâm cho mình. Hãy cố gắng tạo ra bầu không khí dễ chịu trong gia đình. Hãy cùng thực hành lời khuyên: Đi làm về, khi bước vào nhà, hãy để những lo lắng, bực bội ở lại ngoài sân, cùng với những đôi giày. Tất nhiên, khi gặp khó khăn, người bạn đời chính là người đáng tin cậy nhất để chúng ta chia sẻ, tìm lời khuyên, nhưng chia sẻ và “trút bực dọc” là hai điều hoàn toàn khác nhau.